

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Địa chỉ: Tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3791 1818 / Fax: 04. 3791 5808

Website: [www.japan-sec.vn](http://www.japan-sec.vn) / Email: [info@japan-sec.vn](mailto:info@japan-sec.vn)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**NĂM 2014**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014

# MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>3</b>
1. Chương trình hợp dự kiến	4
2. Quy chế đại hội	5
3. Quy định về biểu quyết	7
<b>CÁC BÁO CÁO CHÍNH</b>	<b>8</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	9
2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	24
3. Tờ trình của Hội đồng Quản trị	29
4. Báo cáo của Ban Kiểm soát	33
<b>CÁC PHỤ LỤC</b>	<b>37</b>
1. Kết quả kinh doanh 2013 của JSI	38
2. Kế hoạch kinh doanh 2014	43
3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2013	44
4. Thị phần của các Công ty Chứng khoán	45
5. Triển vọng thị trường chứng khoán 2014	46
6. Quy trình làm việc của ĐHĐCĐ & HĐQT	52
7. Quy trình làm việc của BKS	68
8. Lý lịch các ứng viên HĐQT, BKS	74



# CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

# CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

**Thời gian:** 8:00 ngày 15 tháng 3 năm 2014.

**Địa điểm:** Tầng 3 Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	- Đón tiếp cổ đông	8:00 – 8:30	Ban tổ chức
2	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; - Thông qua Quy chế làm việc, chương trình Đại hội.	8:30 – 8:45	Ban tổ chức
3	- Bầu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.	8:45 – 9:00	Đại hội
4	- Báo cáo của Ban Giám đốc	9:00 – 9:45	TGD
5	- Báo cáo của Hội đồng Quản trị - Tờ trình của Hội đồng Quản trị	9:45 – 10:00	Đoàn chủ tịch
6	- Báo cáo của Ban kiểm soát	10:00 – 10:15	Ban kiểm soát
7	- Thảo luận về các nội dung của phần 4, 5, 6	10:15 – 11:00	Đại hội
8	- Biểu quyết thông qua các nội dung 4, 5, 6	11:00 – 11:15	Đoàn chủ tịch
9	- Nghỉ giải lao	11:00 – 11:15	
10	- Công bố kết quả biểu quyết	11:15 – 11:30	Ban kiểm phiếu
11	- Thông qua Nghị quyết của Đại hội	11:30 – 11:45	Ban thư ký
12	- Tuyên bố bế mạc Đại hội	11:45	Đoàn chủ tịch

# QUY CHẾ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

## Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

## I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI:

- Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
- Không mang các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy và không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội.
- Trang phục đi dự Đại hội: Trang trọng, lịch sự, không được đi dép lê, đội mũ vào Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động không được để chế độ chuông. Nếu cần thiết nghe thì ra ngoài phòng để không làm ảnh hưởng đến Đại hội.

## II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:

### 1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản.

2. **Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết.

### 3. Thể lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Tất cả các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi có số cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

### III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải giơ tay và được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

### IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

- Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

### V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

### VI. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

# QUY ĐỊNH VỀ BIỂU QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

## **ĐIỀU 1:**

Cổ đông có quyền biểu quyết là những cá nhân, tổ chức có sở hữu cổ phần của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản tính đến thời điểm ngày 31/12/2013.

## **ĐIỀU 2:**

Phiếu biểu quyết đủ tiêu chuẩn là phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành theo mẫu, có con dấu của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản.

## **ĐIỀU 3:**

Cổ đông tham gia biểu quyết chỉ được phát 01 phiếu biểu quyết đủ tiêu chuẩn, đã ghi sẵn họ tên, mã cổ đông, và số cổ phần sở hữu (hoặc được ủy quyền). Cổ đông (hoặc người được ủy quyền) phải điền thông tin về số CMND / Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, và ký, ghi rõ họ tên của mình theo mẫu. Đối với người được ủy quyền, khi tham gia biểu quyết sẽ điền tên mình vào mục Họ và tên người được ủy quyền.

## **ĐIỀU 4:**

Mỗi phiếu gồm có 8 vấn đề biểu quyết và 3 sự lựa chọn cho cổ đông: đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến. Với mỗi vấn đề biểu quyết, cổ đông chỉ được phép đánh dấu vào một trong 3 ô đã được in theo mẫu. Trong trường hợp cổ đông không đánh dấu vào bất kỳ ô nào của mỗi vấn đề biểu quyết sẽ được xem là không có ý kiến cho vấn đề đó.

## **ĐIỀU 5:**

Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu:

- Không đủ tiêu chuẩn theo nội dung tại Điều 2 của Quy định này.
- Tại mỗi vấn đề biểu quyết, cổ đông lựa chọn nhiều ý kiến biểu quyết cùng một lúc, nghĩa là cổ đông cùng đánh dấu vào nhiều hơn 1 ô chọn.
- Phiếu biểu quyết không có chữ ký của người biểu quyết.

## **ĐIỀU 6:**

Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị trong thời gian diễn ra Đại hội.



# CÁC BÁO CÁO CHÍNH



# **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

## **KẾT QUẢ KINH DOANH 2013 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014**

### **NỘI DUNG CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2014**

- I. Tình hình chung năm 2013
  - 1. Thị trường chứng khoán thế giới & Nền kinh tế Việt Nam
  - 2. Thị trường chứng khoán Việt nam
  - 3. Tình hình các công ty chứng khoán
  - 4. Tình hình các công ty niêm yết
  - 5. Tình hình hoạt động của NĐTNN
  
- II. Báo cáo tài chính
  - 1. Báo cáo tài chính năm 2013
  - 2. Dự báo năm 2014
  
- III. Báo cáo quản trị
  - 1. Cơ cấu sản phẩm và dịch vụ
  - 2. Cơ cấu và sử dụng nguồn vốn
  - 3. Cơ cấu khách hàng
  - 4. Cơ cấu nhân sự

## I. TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2013:

### 1. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM:

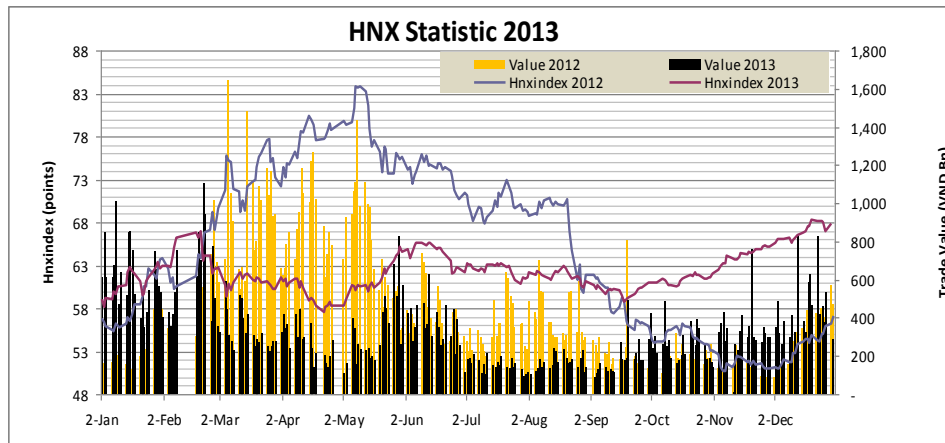
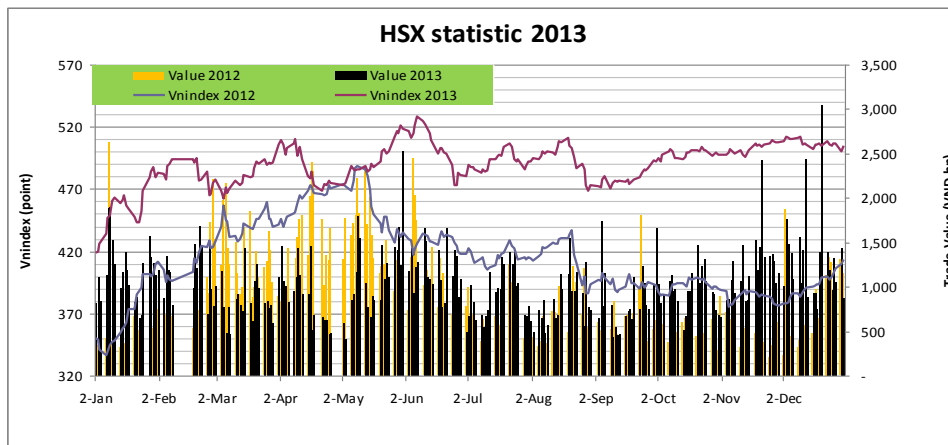
- Chứng khoán thế giới: Năm 2013, các chỉ số chính, từ TTCK Mỹ, châu Âu cho đến châu Á liên tiếp phá vỡ các mốc kỷ lục cao nhất mọi thời đại. Chỉ số S&P 500 tăng 30% trong năm 2013 (mạnh nhất kể từ 1997) và Dow Jones tăng 27% (mạnh nhất kể từ 1995). Chứng khoán Nhật tăng mạnh nhất từ 1972. TTCK châu Âu tốt nhất kể từ 2009. Nguyên nhân là do kinh tế Mỹ và châu Âu ngày càng có nhiều dấu hiệu hồi phục, các NHTW (đặc biệt là Fed và Nhật Bản) vẫn tiếp tục bơm tiền.
- Kinh tế Việt Nam:
  - Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó mức tăng trưởng của quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5%; quý III tăng 5,54% và quý IV tăng 6,04%) và cao hơn năm 2012;
  - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng khoảng 6,60% - thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, phần lớn là do kết quả điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chính sách tiền tệ;
  - Mặt bằng lãi suất giảm mạnh: năm 2013, NHNN đã giảm 2%/năm các mức lãi suất điều hành; giảm 3%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên; giảm 1%/năm lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi bằng VND;
  - Một năm thành công về ổn định tỷ giá: NHNN chỉ phải tăng 1% tỷ giá bình quân liên ngân hàng trong năm 2013, nguồn lực dự trữ ngoại hối tiếp tục được củng cố (ước tính đạt trên 25 tỷ USD, tăng khoảng 6 tỷ USD so với năm 2012 và tăng khoảng 16 tỷ USD so với năm 2011);
  - Thị trường vàng dần ổn định nhưng giá vàng vẫn không giảm như kỳ vọng: Tính đến ngày 31/12/2013, NHNN đã đấu thầu thành công 69,9 tấn vàng qua đó đã góp phần ổn định thị trường vàng hiện rõ nét qua việc những cơn “sốt” vàng không còn xảy ra ngay cả khi giá vàng thế giới liên tục biến động.

### 2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM:

Sự biến động của chỉ số chứng khoán và giá trị giao dịch:

Chỉ tiêu	2013	2012	Giá trị thay đổi	Tỷ lệ thay đổi
<b>HOSE</b>				
Đóng cửa	504.60	413.70	90.90	22%
KLGD (ĐV: Tỷ CP)	16.16	14.06	2.10	15%
GTGD (ĐV: Tỷ VND)	261,894.53	217,376.94	44,517.60	20%
<b>HNX</b>				
Đóng cửa	67.84	57.09	10.75	19%
KLGD (ĐV: Tỷ CP)	10.71	12.10	(1.39)	-11%

GTGD (ĐV: Tỷ VND)	83,032.01	109,535.44	(26,503.43)	-24%
-------------------	-----------	------------	-------------	------



- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 đã có những diễn biến khả quan nhờ vào những tín hiệu ổn định kinh tế vĩ mô và các giải pháp tích cực trong lĩnh vực chứng khoán, cụ thể như sau:
  - Quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 2.578 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2012. Chỉ số VN-Index tăng 22%; HN-Index tăng 19% so với cuối năm 2012. VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2013 ở mức 504,63 điểm, HNX-Index chốt năm 2013 ở mức 67,84 điểm. Thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 nước có mức độ phục hồi mạnh nhất thế giới; riêng thị trường trái phiếu có mức tăng lớn nhất trong khu vực.
  - Mức vốn hóa vào khoảng 964 nghìn tỷ đồng (tăng 199 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2012), tương đương 31% GDP; trong đó tổng dòng vốn nước ngoài tăng 54% và giá trị danh mục tăng khoảng 3,8 tỷ USD so với cuối năm 2012.
  - Tổng giá trị huy động vốn ước đạt 222 nghìn tỷ đồng, tăng 25%; trong đó cổ phiếu là 20,5 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2012; trái phiếu Chính phủ đạt 177,5 nghìn

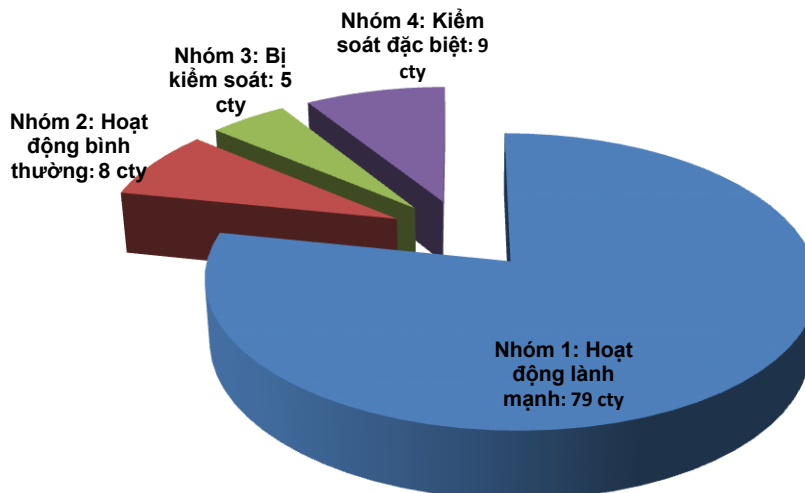
- tỷ đồng, tăng 24%.
- Kéo dài thời gian giao dịch, triển khai nhiều lệnh mới:
    - Ngày 22/7 sàn HoSE kéo dài thời gian giao dịch thêm 45 phút, đóng cửa lúc 15h;
    - Ngày 29/7 sàn HNX áp dụng việc kéo dài thời gian giao dịch, đóng cửa lúc 15h, áp dụng phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa ATC, triển khai các lệnh mới như MTL, MOK, MAK...
  - Tính đến hết tháng 12/2013, UBCK đã cấp phép thành lập 10 quỹ mở: sản phẩm quỹ mở bùng nổ với hàng loạt quỹ chính thức được thành lập. Ban đầu là các quỹ đóng thực hiện chuyển đổi sang quỹ mở, tiếp đó là các quỹ mở chuyên đầu tư vào trái phiếu và các quỹ đầu tư cổ phiếu.



### 3. TÌNH HÌNH CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN:

- Năm 2013, công tác tái cấu trúc thị trường chứng khoán đã được đẩy mạnh đồng bộ, bao gồm việc tái cấu trúc cơ sở hàng hóa trên thị trường, thị trường trái phiếu, cơ sở nhà đầu tư, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty chứng khoán... Kết quả:
  - Lần đầu tiên 2 công ty chứng khoán hợp nhất: Ngày 9/12/2013 UBCK chấp thuận và trao giấy phép thành lập công ty chứng khoán MBS trên cơ sở hợp nhất 2 CTCK MBS và VITS. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển mình trong công cuộc tái cấu trúc các CTCK trong năm 2013.

- Trên cơ sở báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng của các công ty chứng khoán, UBCK đã phân loại các công ty chứng khoán thành 4 nhóm: (i) Nhóm 1: hoạt động lành mạnh gồm 79 công ty; (ii) Nhóm 2: hoạt động bình thường gồm 8 công ty; (iii) Nhóm 3: bị kiểm soát gồm 5 công ty; (iv) Nhóm 4: bị kiểm soát đặc biệt gồm 9 công ty.



- UBCK đã ra Quyết định chấp thuận rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của 6 CTCK; nghiệp vụ Tự doanh của 2 CTCK; nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành của 04 CTCK; rút nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán của 1 CTCK; hợp nhất đối với 2 CTCK, tiến hành thủ tục giải thể đối với 3 CTCK; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của 02 CTCK. Như vậy trên thực tế đã có 15 công ty không còn hoạt động.
  - Năm 2013, 4 CTCK thông qua việc giải thể là Sao Việt, Chợ Lớn, Âu Việt và Sen Vàng trong đó duy nhất Sao Việt đã được UBCK chính thức cấp giấy chấp thuận giải thể theo Luật Doanh nghiệp. 2 công ty GBS, SME bị UBCK yêu cầu tạm ngừng hoạt động, 3 công ty Delta, Hà Nội, Trường Sơn bị chấm dứt hoạt động kinh doanh.
- Thị phần môi giới của các CTCK trên thị trường chứng khoán Việt Nam:
- Trên sàn HoSE: Tính cả năm 2013, top 3 môi giới vẫn thuộc về HSC, SSI, VCSC với thị phần lần lượt là 13,28%; 10,63% và 6,97%, chiếm trọn 30% thị phần môi giới sàn HoSE. 10 công ty top đầu đã chiếm gần 63% tổng thị phần. Cụ thể:

CTCK	Năm 2012	Q1/2013	Q2/2013	Q3/2013	Q4/2013	Năm 2013
HSC	11.77%	13.82%	12.57%	14.14%	12.84%	13.28%
SSI	9.97%	10.66%	11.47%	9.72%	10.55%	10.63%
VCSC	4.47%	5.90%	6.04%	8.31%	7.64%	6.97%
ACBS	7.92%	6.73%	6.63%	6.44%	6.53%	6.53%
VNDS	3.42%	5.10%	4.79%	4.94%	6.21%	5.31%

MBS	<b>3.81%</b>	4.65%	4.77%	4.76%	5.90%	<b>5.07%</b>
MBKE	<b>5.21%</b>	4.67%	4.51%	4.74%	4.49%	<b>4.59%</b>
FPTS	<b>3.37%</b>	4.21%	4.10%	3.94%	4.42%	<b>4.19%</b>
BSC					3.31%	<b>3.03%</b>
VCBS					3.46%	<b>3.00%</b>

- Trên sàn HNX: Tính chung số liệu thị phần môi giới cả năm 2013, 10 CTCK nắm hơn 55% thị phần của cả thị trường. HSC vẫn là quán quân với thị phần đạt 9,19%, VNDirect đứng thứ 2 đạt 7,38%. Hai vị trí này không đổi so với năm 2012. Cụ thể:

CTCK	Năm 2012	Q1/2013	Q2/2013	Q3/2013	Q4/2013	Năm 2013
HSC	<b>8.42%</b>	10.54%	8.83%	9.75%	7.38%	<b>9.19%</b>
VNDS	<b>7.33%</b>	8.09%	6.45%	6.79%	7.56%	<b>7.38%</b>
MBS	<b>4.81%</b>	7.25%	6.63%	7.97%	7.15%	<b>7.16%</b>
SSI	<b>4.45%</b>	5.54%	6.88%	6.12%	6.85%	<b>6.29%</b>
ACBS	<b>5.51%</b>	4.60%	6.19%	5.69%	5.60%	<b>5.39%</b>
FPTS	<b>4.06%</b>	4.70%	4.70%	5.03%	4.90%	<b>4.79%</b>
BVSC	<b>4.11%</b>	3.62%	3.24%	4.36%	4.84%	<b>3.93%</b>
MBKE	<b>5.13%</b>	4.22%	4.09%	3.94%		<b>3.86%</b>
BSC		3.21%		4.72%	4.85%	<b>3.77%</b>
SHS		3.61%	3.78%	3.85%		<b>3.64%</b>

#### 4. TÌNH HÌNH CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT:

- Năm 2013, lần đầu tiên thị trường chứng khoán chứng kiến làn sóng hủy niêm yết với số lượng lên tới 37 mã chứng khoán, do không bảo đảm điều kiện niêm yết, vi phạm chế độ công bố thông tin, thực hiện tái cấu trúc công ty... 11 công ty bị hủy niêm yết trên HoSE và 26 công ty hủy niêm yết trên sàn HNX. Các doanh nghiệp đang thích ứng dần với tính chất đào thải của thị trường. Cụ thể:

- 5 công ty phải rời sàn niêm yết để sáp nhập và tái cấu trúc:

STT	Mã	SLCP Hủy niêm yết	Lý do
1	PVF	600,000,000	Sáp nhập WTB, tái cơ cấu
2	PHT	21,440,030	Sáp nhập TLH, tái cơ cấu
3	SEL	4,850,000	Sáp nhập SJE, tái cơ cấu
4	RHC	5,120,000	Sáp nhập SJD, tái cơ cấu
5	DHL	5,500,000	Sáp nhập HDO, tái cơ cấu

- 15 công ty hủy niêm yết vì thua lỗ 3 năm liên tiếp và lỗ lũy kế lớn hơn vốn điều lệ:

STT	Mã	SLCP Hủy niêm yết	Lý do
1	STL	15,000,000	Lỗ lũy kế > VDL, sang UpCom
2	SBS	126,660,000	Lỗ lũy kế > VDL

3	THV	57,749,995	Lỗ lũy kế > VĐL
4	DDM	12,244,495	Lỗ lũy kế > VĐL
5	VSG	11,044,000	Lỗ 3 năm, Lỗ lũy kế > VĐL
6	TLC	9,980,000	Lỗ 3 năm, Lỗ lũy kế > VĐL
7	SVS	13,500,000	Lỗ 3 năm, giải thể
8	VES	9,007,500	Lỗ 3 năm
9	VCH	3,970,000	Lỗ lũy kế > VĐL, kiểm toán từ chối đưa ý kiến
10	IFS	6,875,359	Lỗ lũy kế > VĐL
11	SDJ	4,343,700	Lỗ lũy kế > VĐL
12	SHC	4,309,550	Lỗ lũy kế > VĐL
13	SD8	2,800,000	Lỗ lũy kế > VĐL
14	S27	1,562,833	Lỗ lũy kế > VĐL
15	SCC	1,980,000	Lỗ 3 năm

- 5 doanh nghiệp bị hủy niêm yết bắt buộc:

STT	Mã	SLCP Hủy niêm yết	Lý do
1	CIC	4,635,062	Hủy bắt buộc do quy chế công bố thông tin
2	MCL	2,220,000	Hủy bắt buộc do quy chế công bố thông tin
3	TAS	13,900,000	Hủy bắt buộc do quy chế công bố thông tin
4	GBS	13,500,000	Hủy bắt buộc do quy chế công bố thông tin
5	NTB	39,779,577	Hủy bắt buộc, kiểm toán từ chối đưa ý kiến

- 12 doanh nghiệp hủy niêm yết tự nguyện:

STT	Mã	SLCP Hủy niêm yết	Lý do
1	DHI	2,628,042	Hủy tự nguyện, Giải thể
2	MIH	4,000,000	Hủy tự nguyện
3	HPB	3,880,000	Hủy tự nguyện
4	KBT	3,001,699	Hủy tự nguyện
5	HBD	1,535,000	Hủy tự nguyện
6	XMC	19,998,240	Hủy tự nguyện
7	AGD	11,999,930	Hủy tự nguyện
8	GFC	8,480,000	Hủy tự nguyện
9	AVS	36,000,000	Hủy tự nguyện, giải thể
10	DTC	4,000,000	Hủy tự nguyện, sang Upcom
11	VFC	34,000,000	Hủy tự nguyện, sang Upcom
12	TLT	6,989,800	Hủy tự nguyện, sang Upcom

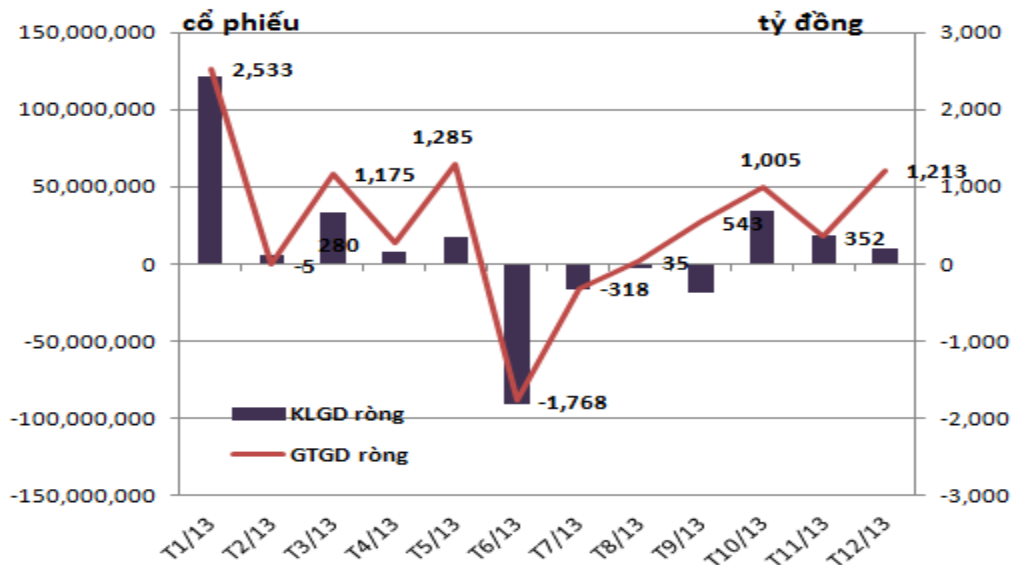
- Trong khi đó năm 2013 chỉ có 4 DN niêm yết mới trên HoSE (HAR, NLG, FCM và FLC) và 11 DN niêm yết mới trên sàn HNX (KSQ, KLF, PVB, FIT, DHP, HLD, NDX, PSD, SHA, THS, TTZ).
- Mặc dù năm 2013 được coi là năm khả quan của chứng khoán Việt Nam, nhưng chỉ có

những cổ phiếu của các công ty, tập đoàn lớn nhận được sự quan tâm của các NĐT nước ngoài mới có những hoạt động tích cực, trong khi đó, hầu hết cổ phiếu của các công ty trên TTCK Việt Nam chỉ được coi là cổ phiếu có trị giá thấp (penny stock).

#### 5. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NĐTNN:

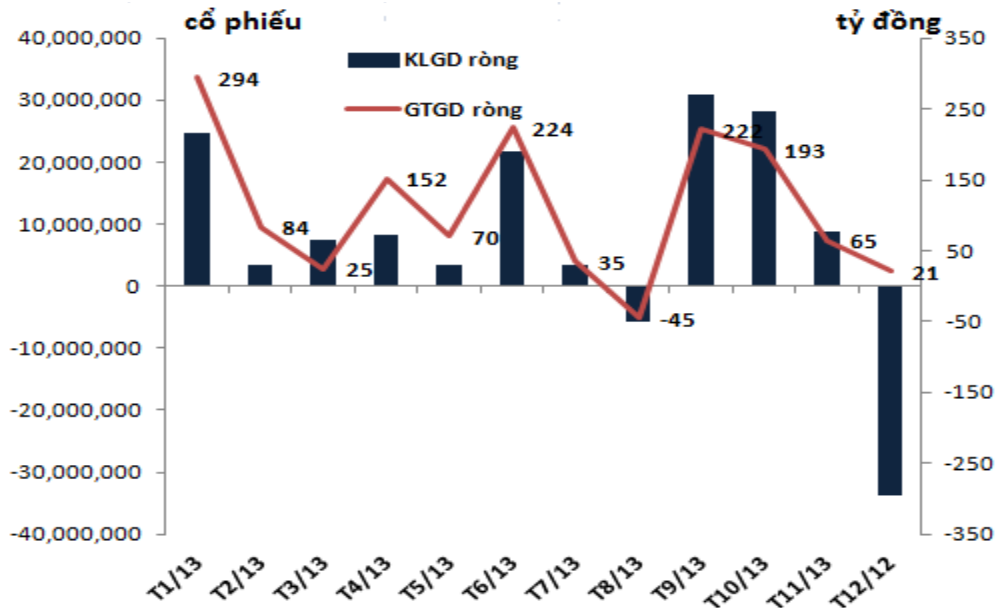
- Năm 2013, khối ngoại mua ròng gần 7.667 tỷ đồng trên TTCK Việt Nam (365 triệu USD), trong đó mua ròng gần 6.330 tỷ trên sàn HoSE và 1.337 tỷ đồng trên sàn Hà Nội, tổng khối lượng cổ phiếu mua vào là hơn 220 triệu cổ phiếu, tương đương hơn 300 triệu USD;
- Tổng dòng vốn nước ngoài luân chuyển trong năm 2013 vẫn tăng 54% và giá trị danh mục tăng khoảng 3,8 tỷ USD so với cuối năm 2012;
- Số lượng tài khoản nhà đầu tư nước ngoài tăng 55% so với 2012.

*Giao dịch khối ngoại trên sàn HoSe năm 2013*





*Giao dịch khối ngoại trên sàn Hà Nội năm 2013*



## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### 1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013:

- Các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh năm 2013 so với năm 2012:
  - VN-index dao động trong khoảng 470-520 điểm sau khi phục hồi mạnh mẽ vào đầu năm 2013;
  - Nhà đầu tư nước ngoài hướng tới thị trường Nhật Bản và Mỹ do đó giảm mạnh đầu tư ở thị trường Việt Nam trong Quý 2;
  - Thu nhập từ lãi suất tiền gửi giảm do lãi suất ngân hàng giảm;
  - Thu nhập từ dịch vụ tài chính tăng;
  - Nhờ việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và đầu tư nên JSI đã bắt đầu có thu nhập mới thông qua các đồng ủy thác đầu tư và dịch vụ tư vấn.
- Tổng thu nhập đạt doanh số 16,529 tỷ đồng đạt 77% so với kế hoạch.
- Bắt đầu từ tháng 5/2013 công ty có danh mục ủy thác đầu tư chứng khoán thông qua quỹ MBS, doanh thu từ ủy thác đầu tư tính đến thời điểm 31.12.2013 đạt 1,352 tỷ, chưa bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí quản lý.
- Tổng chi phí là 15,073 tỷ đồng đạt 89% so với kế hoạch, doanh thu giảm đồng thời chi phí cũng giảm theo.
- Tổng lãi trước thuế là 1,456 tỷ đạt 32% so với kế hoạch, thực tế JSI chưa đạt được kế hoạch đề ra.

- Tuy nhiên với điều kiện nền kinh tế khó khăn chung và so sánh với các doanh nghiệp chứng khoán cùng ngành, JSI đã đạt được một khoản lợi nhuận trước thuế để đưa ra định hướng phát triển cho năm 2014.

Kết quả kinh doanh năm 2013:

- Tổng doanh thu: 16.529 Triệu VND;
- Tổng chi phí: 15.073 Triệu VND;
- Lợi nhuận trước thuế: 1.456 Triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế: 1.092 Triệu VND.

## 2. DỰ BÁO NĂM 2014:

- Chỉ tiêu phát triển kinh tế chủ yếu của 2014 do Chính phủ đề ra:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Ước tính thực hiện năm 2013 (Nguồn: Tổng cục Thuế VN)
Tăng trưởng GDP	~ 5,8%	5,42%
CPI	~ 7%	6,6%
Tổng vốn đầu tư phát triển toàn XH	~ 30% GDP	30,4% GDP
Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	<4%	

- Ba đề án lớn được trông đợi nhất của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 là (i) việc nới room nước ngoài, (ii) đề án TTCK phái sinh và (iii) đề sáp nhập hai Sở giao dịch:
  - Việc nới room được NĐT chờ đợi, nhưng đã được phản ánh phần nào vào giá. Tuy nhiên, về lâu dài, việc này sẽ có tác động tích cực đến khối ngoại, dòng tiền khi đó sẽ ổn định và duy trì tốt hơn;
  - Các sản phẩm phái sinh đang được ráo riết chuẩn bị và dự kiến sẽ sớm triển khai trong năm 2014. UBCK hiện cũng tập trung tái cơ cấu hàng hóa, triển khai các sản phẩm mới, nhất là quỹ ETF; xây dựng hệ thống đối tác thanh toán trung tâm (CCP), hệ thống vay và cho vay chứng khoán (SBL), để chuẩn bị cho triển khai TTCK phái sinh và các sản phẩm mới...
  - Việc hợp nhất 2 Sở GDCK, thị trường mở rộng sẽ tạo hiệu ứng tăng quy mô thị trường, giúp các NĐT nước ngoài có cái nhìn ấn tượng hơn về TTCK Việt Nam.
- Tuy nhiên, với nền kinh tế vẫn đang loay hoay ở đáy của 2013 thì 2014 chỉ có hi vọng bớt đi chút khó khăn. Kế hoạch kinh doanh 2014 của các công ty niêm yết về cơ bản vẫn thấy nỗi lo kinh tế khó khăn, do vậy hạng mục doanh thu, lợi nhuận có phần giảm sút nếu đem ra so lại với những bản kế hoạch của các năm trước. Theo đó, thị trường chứng khoán có thể cũng không có nhiều khởi sắc.

- Dựa trên những dự báo như trên, kế hoạch kinh doanh năm 2014 được Ban Giám đốc dự tính cụ thể như sau:
  - Tổng Doanh thu: 19.928 Triệu VND;
  - Tổng Chi phí: 16.103 Triệu VND;
  - Lợi nhuận trước thuế: 3.824 Triệu VND;
  - Lợi nhuận sau thuế: 3.060 Triệu VND;
  - Cổ tức ước tính: 6% /năm

Đối với thu nhập và chi phí ước tính trong bản kế hoạch kinh doanh, Ban Giám đốc đề trình các kế hoạch cụ thể đối với hoạt động của Công ty trong năm 2014 như sau:

- (1) Thị trường chứng khoán sẽ được cải thiện nhưng không đủ để có thể hi vọng một mức tăng trưởng lớn. Thị trường có thể sẽ tăng trưởng tích cực trong 1 và quý 3, nhưng tiêu cực trong quý 2 và trung bình trong quý 4.
- (2) Phí môi giới từ khách hàng trong nước ước tăng 43% do giao dịch của nhóm khách hàng này tăng khá trong khoảng thời gian đầu năm.
- (3) Phí môi giới từ khách hàng nước ngoài ước tăng 25% do các thị trường tốt như Nhật, Mỹ hiện đã thay đổi, tuy nhiên, mức tăng này cũng chưa đủ lớn.
- (4) Khoản thu nhập từ hội đồng đầu tư đến từ phát hành quyền mua và thu nhập khác được hi vọng là vẫn giữ mức như cũ.
- (5) Quỹ lương giảm do miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc và Công ty cũng không có kế hoạch tăng lương cho toàn bộ cán bộ nhân viên, tuy nhiên một số trưởng phòng mới bổ nhiệm cũng như những trưởng phòng/nhân viên có năng lực thì vẫn cần tăng.
- (6) Riêng phần hoa hồng cho phòng kinh doanh được dự kiến tăng do khối lượng giao dịch ước tính tăng cao hơn năm trước. Đây là phần chiếm tỷ trọng lớn nhất trong phần dự tính tăng của tổng chi phí.
- (7) Phần đầu tư cho CNTT (hệ thống giao dịch trực tuyến mới) là yếu tố lớn thứ hai của phần dự tính tăng của tổng chi phí.

### III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ

#### 1. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

- Hiện tại, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của JSI là các dịch vụ thu phí đã được UBCKNN cấp phép liên quan đến thị trường chứng khoán, các dịch vụ này đã được phân chia tương đối rõ nét như sau:
  - Môi giới và lưu ký cổ phiếu niêm yết
  - Marketing và phân phối chứng chỉ quỹ mở
  - Dịch vụ tài chính (ứng trước tiền bán và dịch vụ margin): Chỉ áp dụng đối với các nhà đầu tư cá nhân trong nước.

- Bên cạnh các dịch vụ cốt lõi của JSI là Môi giới và Dịch vụ tài chính, hiện tại công ty đang đẩy mạnh các mảng dịch vụ khác nhằm phục vụ tốt hơn các Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài:
  - Dịch vụ cung cấp báo cáo đặc thù: Nhắm tới các khách hàng cá nhân và tổ chức nước ngoài với các báo cáo khảo sát hoặc phân tích đầu tư được thiết kế nhằm phù hợp với từng nhu cầu cụ thể của các đối tượng khách hàng khác nhau.
  - Dịch vụ tư vấn đầu tư, mua bán sát nhập doanh nghiệp: Tận dụng lợi thế là cầu nối giữa các nhà đầu tư Nhật bản với thị trường Việt Nam, JSI không ngừng tìm các cơ hội, các dự án phù hợp để có thể kết nối các nhà đầu tư Nhật bản có nhu cầu đầu tư tại thị trường Việt Nam.
  - Dịch vụ mua quyền cổ phiếu phát hành thêm: JSI đã và đang thực hiện việc mua quyền này thông qua việc ủy thác với Công ty Quản lý quỹ MB.
  - Phân phối chứng chỉ quỹ mở MBBF: Trong quý 2/2013, JSI bắt đầu có doanh thu từ việc phân phối quỹ mở MBBF với doanh thu còn rất hạn chế. JSI hiện đã và đang tìm kiếm các kênh phân phối thông qua việc hợp tác cùng với các công ty chứng khoán, công ty tài chính và các công ty quản lý quỹ khác để cùng phân phối sản phẩm này.

## 2. THỊ PHẦN CỦA JSI:

		JSI					
		Phí trung bình thu được	Giá trị giao dịch (VND)	Thị phần	Phí thu được từ thị trường nội địa (VND)	Phí thu được từ thị trường nước ngoài (VND)	Tổng phí thu được (VND)
2012	Tổng	0.36%	3,296,799,765,400	1.00%	2,196,899,945	9,576,743,092	11,773,643,037
	Trung bình tháng		274,733,313,783		183,074,995	798,061,924	981,136,920
2013	Tổng	0.35%	2,645,533,187,600	0.77%	2,082,145,581	7,184,265,701	9,266,411,282
	Trung bình tháng		220,461,098,967		173,512,132	598,688,808	772,200,940

## 3. CƠ CẤU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN:

- Trước thời điểm 01/08/2012, để đáp ứng nhu cầu sử dụng tiền vay của khách hàng, JSI đã sử dụng một phần nguồn vốn để cung ứng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán. Riêng đối với mảng cho vay ký quỹ, do chưa được UBCKNN chấp thuận cho cung ứng dịch vụ, nên khách hàng không vay vốn trực tiếp từ JSI. JSI cung cấp dịch vụ margin cho khách thông qua hợp đồng ký 3 bên giữa JSI, ngân hàng và khách hàng. Vốn được cung ứng trực tiếp từ ngân hàng.
- Ngày 1/8/2011 Thông tư 74/2011/TT-BTC, cho phép các Công ty chứng khoán được thực hiện nghiệp vụ ký quỹ (margin) khi có đủ điều kiện, chính thức có hiệu lực. Sau một năm nghiên cứu, đưa luật ứng dụng vào thực tế, tới thời điểm 1/8/2012 nghiệp vụ Margin mới được triển khai một cách toàn diện.

- Nắm bắt được nhu cầu vay ngày càng lớn của nhà đầu tư, đồng thời để tăng hiệu quả luân chuyển vốn lưu động, ngày 01/08/2012, sau khi được chấp thuận từ UBCKNN, JSI đã chính thức triển khai sản phẩm cho vay Margin theo quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước.
- Với những ưu điểm của loại hình cho vay mới, như thủ tục ký kết hợp đồng đơn giản, nhanh chóng, tiền giải ngân tự động phát sinh tương ứng với lệnh mua, phần mềm quản lý nợ và dòng tiền tương đối chính xác; số lượng nhà đầu tư quan tâm ngày càng lớn. Nhà đầu tư tìm đến với JSI nhiều hơn, và chuyển dần từ gói vay Ứng trước tiền bán chứng khoán sang vay Margin. Nếu như tại thời điểm cuối năm 2012, tổng vốn vay của khách hàng đạt 11,1 tỷ đồng, thì tại thời điểm cuối năm 2013 con số này đã tăng lên tới gần 19 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 70.28%. Nguồn vốn được sử dụng hiệu quả hơn, mức doanh thu thu về năm 2013 tăng 71.38% so với cùng kỳ. Những ngày cuối Quý 4/2013 cũng đánh dấu bước tăng trưởng mạnh về nguồn vốn vay khách hàng sử dụng so với quý 3/2103, khi mức tăng đạt tới 75.84% và con số này tiếp tục tăng mạnh trong những ngày đầu năm 2014.

Dịch vụ Margin cung cấp năm 2013 & so sánh với năm trước:

*DVT: VND*

Năm	Số lượng KH	Dư nợ gốc, lãi đầu kỳ	Số tiền giải ngân	Số tiền thu nợ gốc	Lãi phát sinh	Dư nợ gốc lãi cuối kỳ
<b>2013</b>		<b>11,119,499,925</b>	<b>482,977,282,957</b>	<b>475,451,295,207</b>	<b>1,569,834,214</b>	<b>18,934,680,168</b>
Margin	145	10,406,819,009	346,757,861,462	339,509,122,758	1,357,529,367	17,944,806,938
Ứng trước	57	712,680,916	136,219,421,495	135,942,172,449	212,304,847	989,873,230
<b>2012</b>		<b>943,439,193</b>	<b>325,770,907,281</b>	<b>315,726,140,659</b>	<b>916,012,566</b>	<b>11,119,499,925</b>
Margin	75	0	62,704,926,395	52,430,835,297	376,954,043	10,406,819,009
Ứng trước	148	943,439,193	263,065,980,886	263,295,305,362	539,058,523	712,680,916
<b>Tăng/Giảm</b>		<b>1,078.6%</b>	<b>48.26%</b>	<b>50.59%</b>	<b>71.38%</b>	<b>70.28%</b>

#### 4. CƠ CẤU KHÁCH HÀNG:

Cơ cấu khách hàng	Số lượng khách hàng			Giá trị giao dịch		Tăng/Giảm (%)
	Tính đến 31/12/2012	Tính đến 31/12/2013	Tăng/Giảm	2012	2013	
Nội địa	1040	1156	11.15%	1,091,640,333,000	1,049,124,687,100	(3.89)
Cá nhân	1038	1152	10.98%	1,090,772,978,000	1,030,794,132,100	(5.50)
Tổ chức	2	4	100.00%	867,355,000	18,330,555,000	2,013.39

<i>Nước ngoài</i>	<b>346</b>	<b>364</b>	<b>5.20%</b>	<b>2,201,407,432,400</b>	<b>1,595,670,210,500</b>	<b>(27.52)</b>
Cá nhân	338	356	5.33%	52,051,736,800	67,254,218,500	29.21
Tổ chức	8	8	0.00%	2,149,355,695,600	1,528,415,992,000	(28.89)
<b>Tổng</b>	<b>1386</b>	<b>1520</b>	<b>9.67%</b>	<b>3,293,047,765,400</b>	<b>2,644,794,897,600</b>	<b>(19.69)</b>

- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 có nhiều thay đổi so với năm 2012, đây là một năm ghi nhận sự tăng trưởng cả về điểm số và giá trị giao dịch trên cả 2 sàn giao dịch HOSE và HNX. Cụ thể, VN-Index tăng trên 22%, HNX-Index tăng 13%. Với sự gia tăng của các chỉ số chứng khoán trong năm 2013, Việt Nam trở thành một trong những nước có mức độ phục hồi mạnh nhất thế giới.
- Hoạt động giao dịch chứng khoán được kéo dài thời gian và triển khai nhiều lệnh mới. Năm 2013 cả hai Sở giao dịch chứng khoán (HoSE và HNX) đã thực hiện nhiều cải tiến mới trong cơ chế giao dịch. Ngày 29/7, HNX áp dụng phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa và triển khai các lệnh mới như ATC, MTL, MOK, MAK... Trước đó, kể từ ngày 22/7, HSX cũng kéo dài thời gian giao dịch thêm 45 phút.
- Sôi động xu hướng thành lập Quỹ mở. Quỹ mở phát triển nhanh chóng trên cơ sở chuyển đổi các quỹ đóng sang quỹ mở và thành lập mới. Năm 2013, sản phẩm quỹ mở bùng nổ với hàng loạt quỹ chính thức được thành lập. Tính đến hết tháng 12/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp phép thành lập cho 10 quỹ mở.
- Đây cũng là năm số lượng doanh nghiệp hủy niêm yết cao kỷ lục. Trong năm 2013, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến làn sóng doanh nghiệp hủy niêm yết lớn nhất từ trước đến nay. Trong khi số lượng công ty niêm yết mới trong năm chỉ tăng 13 công ty, thì có tới 37 công ty hủy niêm yết do không bảo đảm điều kiện niêm yết, vi phạm chế độ công bố thông tin, thực hiện tái cấu trúc công ty,..). Đây là bằng chứng cho thấy quá trình tái cấu trúc cơ cấu hàng hóa đang diễn ra trên thị trường, theo đó tính chất đào thải là rất mạnh mẽ.
- Tuy nhiên năm 2013 là một năm không thuận lợi cho JSI trong việc mở rộng thị phần khách nước ngoài cũng như thúc đẩy giá trị giao dịch của phân khúc khách hàng này. Nguyên nhân là do một số rào cản về quy định, quy trình trong giao dịch cũng như sự thận trọng của các nhà đầu tư nước ngoài trong thời gian qua. Bù lại doanh thu môi giới từ giá trị giao dịch trong nước đã có sự tăng trưởng bền vững, nguyên nhân là do phòng kinh doanh đã có những chiến lược phù hợp và gia tăng nhân sự kịp thời, nắm bắt cơ hội phát triển thêm lượng khách hàng mới.

## 5. CƠ CẤU NHÂN SỰ:

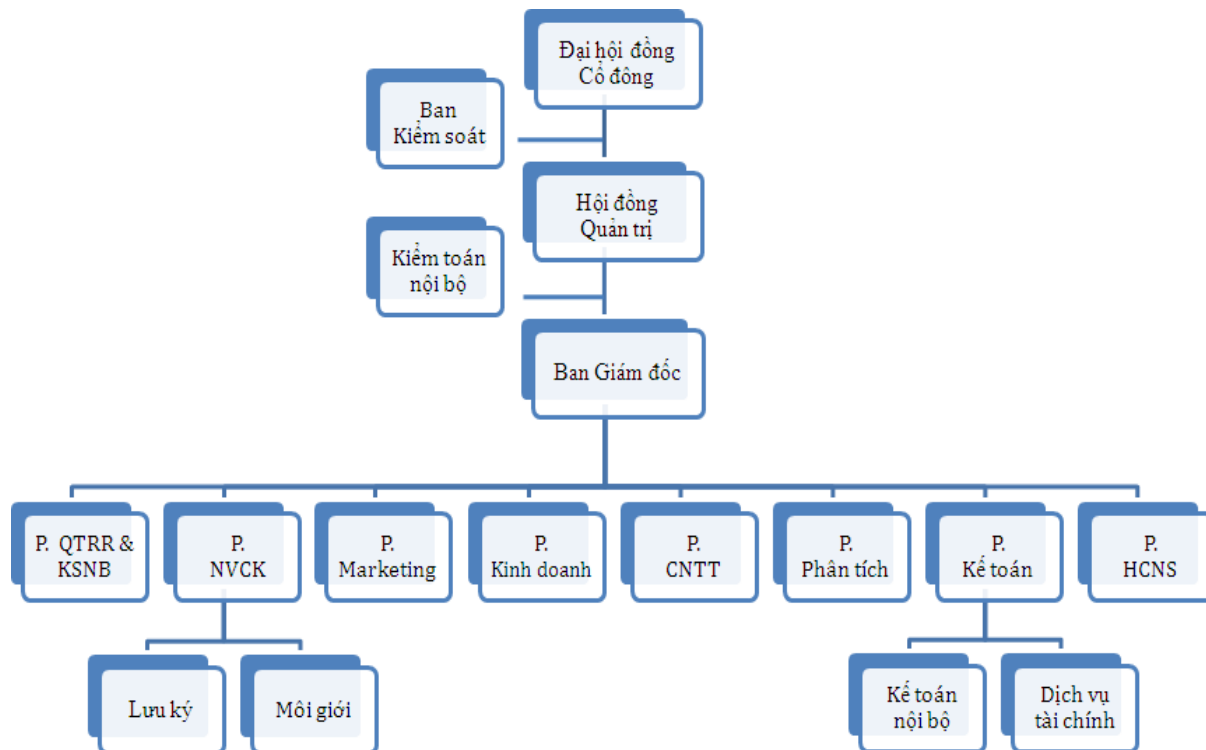
Tính đến hết 31/12/2013, Công ty có tất cả 8 phòng ban chức năng với 32 nhân viên, cụ thể:

**BỘ PHẬN**

**Tính đến 31/12/2013**

Ban Giám đốc	2 người
Phòng QTRR (do PTGD trực tiếp phụ trách)	
Phòng Môi giới (bao gồm đại diện sàn tại Tp.HCM)	9 người
Phòng Kinh doanh	4 người
Phòng Marketing (do TGD trực tiếp phụ trách)	3 người
Phòng Phân tích	3 người
Phòng kế toán	5 người
Phòng IT	2 người
Phòng HCNS (bao gồm nhân viên giao nhận chứng từ)	4 người
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32 người</b>

- Tại thời điểm 31/12/2013, công ty có tổng nhân sự là 32 người, nhưng do có 2 nhân sự đang nghỉ thai sản, nên số lượng thực tế làm việc chỉ có 30 nhân sự. Do đặc thù nhân sự tại công ty có rất nhiều các bạn nữ trẻ (trong độ tuổi lập gia đình và thai sản) nên công ty thường xuyên không duy trì được số lượng nhân sự tối đa theo danh sách chính thức.
- Cơ cấu nhân sự như trên được duy trì đến ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/01/2014, với việc miễn nhiệm bà Trần Thị Mai - Phó Tổng Giám đốc, tổng số nhân sự làm việc thực tế chỉ còn 29 người. Theo đó, phòng Quản trị rủi ro (trước do bà Trần Thị Mai phụ trách) và ban Kiểm soát nội bộ (trước do bà Nguyễn Thị Thu Trang phụ trách) được sáp nhập, trở thành phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ do bà Lương Thị Trà phụ trách. Bà Lương Thị Trà trước là trưởng nhóm Dịch vụ tài chính, có đầy đủ bằng cấp và kinh nghiệm để đáp ứng các yêu cầu của vị trí công việc mới. Sơ đồ tổ chức của Công ty về cơ bản không thay đổi, cụ thể như sau:



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

Kính thưa các Quý vị Cổ đông!

Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản xin được thông báo về kết quả hoạt động và công tác quản trị của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2013 và định hướng hoạt động trong năm 2014 như sau:

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013:

#### 1. TÌNH HÌNH CHUNG:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 đã chứng kiến không ít những biến động trải dài suốt 12 tháng. Mặc dù chỉ số chứng khoán VN-Index được đánh giá là 1 trong 10 nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới, nhưng trong bối cảnh có sự đan xen giữa các yếu tố thuận lợi và không thuận lợi của kinh tế vĩ mô, hàng loạt các phiên bán tháo bất thường và cả một thời gian dài trầm lắng cho thấy thị trường chứng khoán chưa thực sự ổn định. Giá rất nhiều cổ phiếu



còn đang ở mức rất thấp nhưng sức bật trở lại vẫn khá yếu. Tuy nhiên, có thể khẳng định với mức tăng khá ấn tượng trong năm 2013 (VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2013 ở mức 504,63 điểm, tăng 22% so với 2012; HNX-Index chốt năm 2013 ở mức 67,84 điểm, tăng 19% so với 2012), chứng khoán trong năm vừa qua đã ổn định hơn và có những dấu hiệu tích cực cho năm 2014.

Mặc dù thị trường chung có những diễn biến tích cực, nhưng do chứng khoán thế giới, đặc biệt là các nước Mỹ, Nhật... đều hồi phục và tăng trưởng mạnh mẽ, liên tiếp phá vỡ các mốc kỷ lục cao nhất mọi thời đại, do vậy, các khách hàng nước ngoài của Chứng khoán Nhật Bản, đặc biệt là các khách hàng tổ chức, đã tập trung sang các khu vực có tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Việc khách hàng khối ngoại tạm dừng và giảm đáng kể mức độ giao dịch ở Việt Nam, tập trung giao dịch ở các thị trường khác, và rút tiền khỏi các nền kinh tế mới nổi đã ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị giao dịch năm 2013.

## 2. CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM QUA:

### a) *Đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty:*

Năm 2013, hoạt động kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản có những điểm nổi bật như sau:

- Các sản phẩm dịch vụ cốt lõi (môi giới, lưu ký, tư vấn, dịch vụ tài chính) đã và đang được đẩy mạnh, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng nội địa. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, nhân sự được đào tạo bài bản, đội ngũ nhân viên kinh doanh được mở rộng.
- Tuy nhiên năm 2013 là một năm không thuận lợi trong việc mở rộng thị phần khách nước ngoài cũng như thúc đẩy giao dịch của phân khúc khách hàng này. Đây được coi là nguyên nhân chủ yếu khiến cho kết quả kinh doanh của Công ty không đạt được như mức kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông 2013.
- Về phần doanh thu trong nước có tăng nhưng lợi nhuận của công ty vẫn thấp lý do là vì công ty đã có thời gian chưa thực sự chú trọng phát triển mảng nội địa.
- Với việc triển khai nghiệp vụ ký quỹ (margin) từ tháng 8/2012 và tiếp tục hoàn thiện dịch vụ này trong năm 2013, nhà đầu tư tìm đến với JSI nhiều hơn và chuyển dần từ gói vay Ứng trước tiền bán chứng khoán sang vay Margin do những ưu điểm của loại hình này mang lại như thủ tục ký kết hợp đồng đơn giản, nhanh chóng, tiền giải ngân tự động, phần mềm quản lý nợ và dòng tiền chính xác. **Mặc dù vậy, số lượng khách hàng tăng lên chủ yếu là các khách hàng nhỏ lẻ.**

- Trong năm 2013, tuy đội ngũ nhân viên kinh doanh được chú trọng mở rộng, nhưng năng lực vốn của Công ty còn hạn chế (hiện là công ty chứng khoán có vốn điều lệ thấp nhất thị trường với 41 tỷ đồng), không đủ để đáp ứng nhu cầu vay margin tăng cao của khách hàng khi thị trường tăng trưởng tốt.
- Ngoài ra, do các giới hạn trong qui định của pháp luật về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ như: Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán, tương đương 1.230.000.000 đ; Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán, tương đương 4.100.000.000 đ nên JSI không đáp ứng được nhu cầu vay margin của các Khách hàng có tài sản và giá trị giao dịch lớn.
- Những điều này khiến cho Công ty dù đã có nhiều nỗ lực để phát triển thị trường trong nước nhưng kết quả không được như mong đợi.

Theo đó, kết quả kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản đạt được cụ thể như sau:

- Tổng thu nhập: 16,529 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch;
- Tổng chi phí: 15,073 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch;
- LNTT: 1,456 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch;
- LNST: 1,092 tỷ đồng, đạt 32 % kế hoạch;

**b) Đối với cơ cấu nhân sự của công ty:**

Năm 2013, cơ cấu nhân sự có một số thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của pháp luật và tình hình hoạt động/phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

- Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị được thành lập ngày 10/04/2013 theo yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC với vai trò chính là hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc kiểm tra, xem xét và đánh giá các hoạt động của Công ty về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Cùng với đó, ban Kiểm toán nội bộ thực hiện độc lập các đánh giá về kiểm toán của Công ty nhằm đảm bảo tính trung thực và khách quan của các báo cáo này. Ban Kiểm toán nội bộ hiện do ông Nguyễn Tiến Đức – là một nhân sự có kinh nghiệm và năng lực trong lĩnh vực chứng khoán – làm trưởng ban, trước đó ông Nguyễn Tiến Đức giữ vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích của Công ty.

- Các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty không thay đổi về cơ bản, tuy nhiên được sắp xếp lại cho đáp ứng tốt hơn với yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và theo kịp sự phát triển của thị trường chứng khoán, cụ thể:
  - Phòng Kinh doanh phụ trách thị trường nội địa trước kia thường chỉ được duy trì với có 1-2 nhân sự, còn thiếu về số lượng, hiện nay đã được bổ sung những nhân sự có chất lượng, từ đội ngũ tìm kiếm đến tư vấn và chăm sóc khách hàng đều được trưởng phòng trực tiếp đào tạo, hướng dẫn, với sự hỗ trợ của Ban Giám đốc Công ty;
  - Phòng Marketing phụ trách thị trường nước ngoài được bổ sung những nhân sự có khả năng sử dụng ít nhất 2 ngoại ngữ là Nhật & Anh, có thời gian trải nghiệm lối sống và văn hóa Nhật Bản, đảm bảo tiếp cận với khách hàng mục tiêu từ Nhật Bản được thuận lợi;
  - Phòng Phân tích được bổ sung những nhân sự với bằng cấp cao phù hợp với thị trường tài chính, được đào tạo bài bản từ nước ngoài, kịp thời đưa ra những nhận định và cung cấp những báo cáo có chất lượng, đáp ứng những yêu cầu khẩn cấp của các đối tượng khách hàng, đặc biệt là khách hàng tổ chức nước ngoài.

**c) Công tác quản trị doanh nghiệp:**

Hội đồng Quản trị công ty tiếp tục phối hợp với Ban Giám đốc duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý, định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh và công tác điều hành của công ty để đảm bảo phù hợp với các qui định hiện hành của pháp luật.

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ công ty và các quy định phân cấp phân quyền nội bộ, phù hợp với qui định của pháp luật nói chung và của ngành chứng khoán nói riêng. Thông qua các báo cáo định kỳ và bất thường bằng văn bản hoặc trực tiếp của Ban giám đốc và/hoặc các tiểu ban trực thuộc, Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát Ban Giám đốc một cách chặt chẽ và sát sao, đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng định hướng do Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo hoạt động Công ty trực tiếp hoặc thông qua các công văn, biên bản cuộc họp, Nghị quyết và quyết định. Các vấn đề trình duyệt hoặc các vấn đề khác của Công ty đều được Hội đồng Quản trị quyết định sớm nhất, kịp thời phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể: Năm 2013 Hội đồng Quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của mỗi quý cũng như thống nhất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, cụ thể:

- Ngày 25/01/2013, phiên họp thường kỳ lần 1 tổng kết tình hình năm 2012, thông qua phương án về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và chi trả cổ tức năm 2013;

- Ngày 10/04/2013, phiên họp thường kỳ lần 2 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013, trình dự thảo điều lệ Công ty và thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ dưới sự điều hành của ông Nguyễn Tiến Đức – trưởng ban;
- Ngày 05/08/2013, phiên họp thường kỳ lần 3 tổng kết tình hình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, bàn phương án xây dựng phát triển thị trường nội địa, thông qua qui chế lương thưởng do Ban Giám đốc đệ trình, và ra quyết định thành lập Hội đồng đầu tư dưới sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc;
- Ngày 25/10/2013, phiên họp thường kỳ lần 4 tập trung bàn kế hoạch đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, đồng thời trực tiếp giao cho Phó tổng giám đốc tiếp tục củng cố thị trường nội địa.

## II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014:

### 1. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH:

Thị trường chứng khoán năm 2014 được nhận định là sẽ vẫn tăng nhưng có nhiều biến động. Cùng với sự phục hồi và ổn định của kinh tế vĩ mô, xu hướng thị trường chứng khoán sẽ tăng điểm chậm và VN-Index được dự báo dao động quanh mức 550 điểm.

Theo đó, Hội đồng Quản trị nhất trí với các kế hoạch do Ban Giám đốc đưa ra trong phần báo cáo của Ban Giám đốc. Kế hoạch kinh doanh 2014 cụ thể như sau:

- Tổng Doanh thu: 19.928 triệu đồng;
- Tổng Chi phí: 16.103 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 3.824 triệu đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 3.060 triệu đồng;
- Cổ tức ước tính: 6%

### 2. TRIỂN KHAI CÔNG VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2014:

Bước sang năm 2014, dựa trên những nhận định tình hình và kế hoạch kinh doanh như trên, Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán Nhật Bản vẫn sẽ tiếp tục duy trì phối hợp với Ban Giám đốc trong việc thực hiện đồng thời các biện pháp sau dựa trên cơ sở tập trung mọi nguồn lực tài chính / nhân sự hiện có nhằm triển khai công việc thực hiện kế hoạch năm 2014:

- Đối với hoạt động giám sát: Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị đối với Ban Giám đốc, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị

được thực hiện thông qua việc trực tiếp giám sát và thông qua hoạt động của Ban Kiểm soát và các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị;

- Đối với hoạt động kinh doanh:
  - Đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, đi kèm với việc củng cố, hoàn thiện các nghiệp vụ hiện có; thắt chặt quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế tối đa những tổn thất không đáng có trong quá trình hoạt động nghiệp vụ, đồng thời mở rộng các sản phẩm tiện ích, theo kịp sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam;
  - **Đối với thị trường trong nước, tìm kiếm và tuyển dụng nhân sự phù hợp với vị trí Phó Tổng Giám đốc để tăng cả về chất và lượng đối với mảng thị trường này. Do những hạn chế về năng lực vốn, Công ty chỉ tập trung vào đối tượng khách hàng cá nhân nhỏ và vừa, với mục tiêu tăng về số lượng khách hàng trước, theo đó sẽ tăng về giá trị và khối lượng giao dịch;**
  - Tiếp tục đẩy mạnh việc thực thi các công việc và chiến lược trung hạn đề ra từ năm 2011 nhằm định hướng các khối nghiệp vụ và kinh doanh, tận dụng các cơ hội để tạo ra bước đột phá cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Đối với công tác nhân sự: Tìm các giải pháp để khai thác, tận dụng hết các nguồn lực nhân sự hiện có, trong đó có việc củng cố và bổ sung các nhân sự có chất lượng với chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt nhiệm vụ và yêu cầu được giao; đặc biệt phối hợp với Ban Kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông hoàn thiện bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị mới được thành lập;
- Đối với các nội dung khác:
  - Hoàn thiện hệ thống Công nghệ thông tin phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng, cũng như yêu cầu trong quản trị, điều hành;
  - Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, cập nhật các qui định, qui trình nội bộ đã ban hành, xây dựng các qui định, qui trình mới phù hợp với yêu cầu của pháp luật nói chung và của ngành chứng khoán nói riêng, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty.

### III. LỜI KẾT:

*Kính thưa các Quý vị cổ đông,*

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc với trách nhiệm và tâm huyết của mình, vì lợi ích của Công ty, đã nỗ lực và cố gắng rất nhiều để đạt được kết quả tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, tình hình khó khăn chung làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2013 như phần báo cáo ở trên là điều không tránh khỏi. Hội đồng Quản trị kính mong các cổ đông chia sẻ và đóng góp ý kiến giúp cho hoạt động của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn, vì sự phát triển lâu dài của Công ty.

**N-i nhỄn:**

- Các cổ đōng;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**LÊ MINH TUẤN**

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2014  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản;

Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản xin được đệ trình Đại hội đồng cổ đōng các vấn đề sau:

**1. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013:**

Năm 2013, thực lãi Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản đạt được là 1,456 tỷ đōng lợi nhuận trước thuế, tương đương 1,092 tỷ đōng lợi nhuận sau thuế, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đōng thông qua kế hoạch phân phối như sau:

- Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 64,074 triệu đōng.
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 64,074 triệu đōng.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 64,074 triệu đōng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 2.65% trên vốn điều lệ, tương đương 80% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1 tỷ 086 triệu đōng.
- Chốt danh sách cổ đōng ngày: 31/12/2013.
- Ngày dự kiến chi trả cổ tức: 25/4/2014

**2. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014:**

Theo báo cáo của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị đã trình bày, dự kiến những chỉ tiêu và kế hoạch kinh doanh của năm 2014 như sau:

- Tổng Doanh thu: 19.928 Triệu VND; Tăng 21% so với năm 2013;
- Tổng Chi phí: 16.103 Triệu VND; Tăng 7% so với năm 2013;
- Lợi nhuận trước thuế: 3.824 Triệu VND; Tăng 163% so với năm 2013.

Theo đó, đối với việc phân phối lợi nhuận năm 2014, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội cổ đông thông qua kế hoạch như sau:

- Dự kiến chia cổ tức cho năm 2014: 6 % vốn điều lệ;
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế;
- Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: 5% lợi nhuận sau thuế.
- Trích thù lao cho HĐQT và BKS: 5% lợi nhuận sau thuế;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế.

### 3. CHỈ ĐỊNH CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2014:

Theo điều lệ công ty, hàng năm, Đại hội đồng cổ đông sẽ chỉ định một Công ty Kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản.

### 4. THÔNG QUA QUI TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Theo yêu cầu từ thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và quyết định số 105/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ban hành ngày 26/02/2013, các công ty chứng khoán phải thiết lập qui trình làm việc của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trước ngày 15/01/2014. Thực hiện theo thông tư 210 và quyết định 105 nói trên, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản đã soạn thảo và ban hành các qui trình căn cứ vào thực tiễn và phù hợp với yêu cầu của pháp luật. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chuẩn y. Qui trình cụ thể được đính kèm trong tài liệu.

### 5. BẦU LẠI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Theo qui định tại Khoản 2 Điều 32 (về nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị) và Khoản 2 Điều 44 (về nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát) của điều lệ Công ty CP



Chứng khoán Nhật Bản được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 13/04/2013, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty được qui định là 5 năm. Thời gian làm nhiệm vụ của các thành viên tính đến thời điểm tháng 3/2014 tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2014 ngày hôm nay như sau:



STT	Họ và tên	Cuộc họp bổ nhiệm	Thời gian bổ nhiệm	Thời gian làm nhiệm vụ
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>				
1	Ông Lê Minh Tuấn	Cuộc họp các cổ đông sáng lập v/v thành lập Cty CK	26/10/2007	6 năm 6 tháng
2	Ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	Cuộc họp các cổ đông sáng lập v/v thành lập Cty CK	26/10/2007	6 năm 6 tháng
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Cuộc họp các cổ đông sáng lập v/v thành lập Cty CK	26/10/2007	6 năm 6 tháng
4	Ông Aizawa Motoya	Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2010	15/01/2010	4 năm 2 tháng
5	Ông Hiramoto Hiroshi	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chuẩn y quyết định của HĐQT	24/01/2011	3 năm 2 tháng
6	Bà Kyu Seihin	Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2013	15/03/2013	1 năm
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>				
1	Bà Phạm Thị Ngọc Diệp	Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2010	15/01/2010	4 năm 2 tháng
2	Bà Đặng Thị Thanh Huyền	Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2010	15/01/2010	4 năm 2 tháng
3	Bà Hoàng Thị Mai Lan	Cuộc họp các cổ đông sáng lập v/v thành lập Cty CK	26/10/2007	6 năm 6 tháng

Theo đó, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông bầu lại toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo danh sách đề cử như sau:

- Hội đồng Quản trị:
  1. Ông Lê Minh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
  2. Ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa – Thành viên Hội đồng Quản trị
  3. Bà Nguyễn Thị Hồng Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị
  4. Ông Aizawa Motoya – Thành viên Hội đồng Quản trị
  5. Ông Hiramoto Hiroshi – Thành viên Hội đồng Quản trị

6. Bà Kyo Seihin – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ban Kiểm soát:
  1. Trần Thị Lam – Trưởng ban kiểm soát
  2. Bà Hoàng Thị Mai Lan – Thành viên Ban kiểm soát

Lý lịch trích ngang của những người được đề cử đã được gửi kèm trong tài liệu.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung nói trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**  
**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ 2014
- Lưu VP

Chủ tịch  
**LÊ MINH TUẤN**

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

Kính thưa các Quý vị Cổ đông!

Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 kết quả kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát đối với các hoạt động của Công ty trong năm 2013 và trình đại hội phương hướng hoạt động năm 2014 như sau:

### **PHẦN I: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2013**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2013, Ban Kiểm soát Công ty đã nhận được sự phối hợp tích cực của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Ban Kiểm soát đã thường xuyên theo sát tình hình hoạt động và cập nhật các thông tin của Công ty và Hội đồng Quản trị trực tiếp và thông qua email. Các nội dung kiểm soát cụ thể như sau:

#### **I. NỘI DUNG KIỂM SOÁT:**

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, các quy định và qui trình nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ và tài chính của Công ty;
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh từng tháng, quý do Ban Giám đốc và phòng Kế toán Công ty cung cấp; và báo cáo tài chính nửa năm/cả năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC);
- Xem xét và đưa ra góp ý đối với việc ban hành/cập nhật/bổ sung các quy trình nghiệp vụ kinh doanh cũng như các quy định về quản trị nội bộ;
- Phân tích các chỉ số tài chính và đưa ra những kiến nghị kịp thời nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và giám sát việc sử dụng chi phí một cách hợp lý.

#### **II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT:**

##### **1. Tình hình hoạt động tài chính của Công ty:**

#### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU NĂM 2013

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	KH 2013	Thực hiện 2013	% thực hiện 2013 so KH 2013	% TH 2013 so TH 2012
<b>A</b>	<b>Các chỉ tiêu chính</b>						
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr, đồng	3,056	4,601	1,456	32%	47.6%

2	Khấu hao TSCĐ	Tr, đồng	973	450	387	86%	39.8%
3	Lao động bình quân		34	39	30	77%	88.2%
4	Thu nhập bình quân người/ tháng	Tr, đồng	16.59	17.78	20.34	114%	122.6%
4	Dư nợ phải thu ngắn hạn + dài hạn	Tr, đồng	18,842		26,123		138.6%
<b>B</b>	<b>Các chỉ tiêu kinh tế khác</b>						
<b>1</b>	<b>Phí môi giới</b>		<b>11,774</b>	<b>15,075</b>	<b>9,266</b>	<b>61%</b>	<b>78.7%</b>
	<i>Trong nước</i>	Tr, đồng	2,197	3,400	2,082	61%	94.8%
	<i>Nước ngoài</i>	Tr, đồng	9,577	11,675	7,184	62%	75.0%
<b>2</b>	<b>Lãi tiền gửi</b>	Tr, đồng	4,168	3,604	3,492	97%	83.8%
<b>3</b>	<b>Phí dịch vụ &amp; khác</b>	Tr, đồng	1,554	2,776	3,772	136%	242.8%
	<b>CỘNG THU NHẬP</b>	Tr, đồng	<b>17,495</b>	<b>21,455</b>	<b>16,530</b>	<b>77%</b>	<b>94.5%</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	Tr, đồng	7,344	9,008	8,068	90%	109.9%
<b>2</b>	<b>Chi phí KH TSCĐ</b>	Tr, đồng	973	450	387	86%	39.8%
<b>3</b>	<b>Chi phí thông tin liên lạc</b>	Tr, đồng	1,453	1,501	1,457	97%	100.3%
<b>4</b>	<b>Chi phí lãi vay NH</b>	Tr, đồng		1,632	1,200	74%	
<b>5</b>	<b>Phí giao dịch phải trả Sở/ TT</b>	Tr, đồng	1,211	1,285	922	72%	76.1%
<b>6</b>	<b>Thuê văn phòng</b>	Tr, đồng	1,679	1,499	1,497	100%	89.1%
<b>7</b>	<b>Chi phí văn phòng và chi phí khác</b>	Tr, đồng	1,778	1,479	1,543	104%	86.8%
	<b>Cộng chi phí</b>		<b>14,438</b>	<b>16,854</b>	<b>15,074</b>	<b>89%</b>	<b>104.4%</b>

Qua số liệu trên cho thấy năm 2013 kết quả hoạt động kinh doanh của công ty không đạt kế hoạch. Các chỉ tiêu đều không đạt kế hoạch và không bằng chỉ tiêu thực hiện của năm 2012.

- Về số lượng khách hàng tăng so với năm 2012 là 9,6% trong đó: Nội địa tăng 11,15%, nước ngoài tăng 5,2% tuy nhiên giá trị giao dịch lại giảm 19,69%. Trong đó nội địa giảm 3,89%. Nước ngoài giảm 18,14%. Điều này tương ứng sẽ làm giảm doanh thu từ phí môi giới năm 2013 so với năm 2012 là 21,3%;
- Về chi phí tiền lương: 6 tháng đầu năm Công ty trả tiền lương cho cán bộ nhân viên công ty theo hợp đồng lao động đã ký với người lao động (Trừ bộ phận kinh doanh) do đó phần lớn chi phí tiền lương là cố định nên không khuyến khích và tạo được thúc đẩy cho cán bộ nhân viên. Trước tình hình đó HĐQT đã yêu cầu công ty xây dựng chế độ lương khoán và quy chế thưởng cho cả ban lãnh đạo và tất cả các vị trí trong công ty với mục tiêu khuyến khích người lao động tăng cao hiệu quả và năng suất làm việc.

Năm 2013 mặc dù Ban giám đốc công ty chứng khoán Nhật bản cũng nỗ lực tìm ra các biện pháp mới nhằm tăng doanh thu nhưng kết quả đạt được vẫn không hoàn thành kế hoạch.

## **2. Tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:**

- Trong năm qua, hoạt động lãnh đạo và giám sát của Hội đồng Quản trị với Ban Giám đốc Công ty đã tuân thủ theo Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước;
- Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì cuộc họp thường kỳ hàng quý với Ban Giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động của công ty và đưa ra định hướng để công ty hoạt động có hiệu quả và bám sát tình hình thị trường. Đại diện Ban Kiểm soát đã góp mặt trong tất cả các cuộc họp này, và cùng tham gia vào quá trình thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp;
- Ban Giám đốc Công ty đã chủ động triển khai để thực hiện các kế hoạch do Đại hội đồng Cổ đông năm 2013 đề ra và các nghị quyết/quyết định cho Hội đồng quản trị ban hành;
- Thông qua hoạt động kiểm soát trong năm tài chính 2013, Ban Kiểm soát đánh giá rằng hoạt động của Công ty đã tuân thủ đúng pháp luật, các quy định của ngành và các quy trình nội bộ liên quan.

## **3. Tình hình hoạt động của các bộ phận khác trong Công ty:**

- Công tác kế toán nội bộ luôn đảm bảo hệ thống chứng từ sổ sách kế toán theo đúng chế độ và chuẩn mực kế toán;
- Quản lý chặt chẽ và linh hoạt các nguồn lực tài chính và đảm bảo kinh phí cho hoạt động của Công ty;
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính và báo cáo với các cơ quan quản lý;
- Các quy trình nghiệp vụ kinh doanh cũng như các quy định về quản trị nội bộ được thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc;
- Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị, bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc và phòng Quản trị rủi ro đã thực hiện kiểm soát hoạt động các phòng nghiệp vụ như môi giới, dịch vụ tài chính, kế toán giao dịch, từ đó kịp thời yêu cầu các phòng nghiệp vụ chấn chỉnh các hoạt động nhằm hạn chế các rủi ro có thể xảy ra.

## **PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014**

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát 2013 và kế hoạch kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty đề ra cho năm 2014, Ban Kiểm soát đề xuất Kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2014 như sau:

### ***III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014:***

- Ban kiểm soát Công ty tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông để kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty theo qui định của pháp luật và điều lệ của Công ty;
- Phối hợp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị:
  - Kiểm tra giám sát Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014;

- Kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty khi thấy cần thiết, hoặc theo đề xuất của Hội đồng Quản trị, hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện và triển khai các dự án đầu tư được phê duyệt.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn và các dự án đầu tư để đạt được hiệu quả sử dụng vốn tối ưu;
  - Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng, báo cáo kiểm toán của công ty; Thông báo đến HĐQT và ban giám đốc về kết quả kiểm tra góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

**IV. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN:** Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- Tiếp tục phối hợp tốt với Ban Kiểm soát trong năm 2014;
- Đề ra các giải pháp thận trọng và hợp lý trong chiến lược kinh doanh của Công ty và cân đối chi phí cho phù hợp trước tình hình biến động khó khăn của thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý nhân sự (đặc biệt đối với bộ phận kinh doanh nội địa) cho phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai của Công ty;
- Chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty, cơ cấu bám sát món nợ phải thu dài hạn trị giá 6,76 tỷ đồng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho công ty;
- Chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty, đặc biệt trong những giai đoạn khó khăn của thị trường cũng như trong quá trình triển khai các hoạt động kinh doanh;
- Nghiên cứu, đánh giá và tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh của Công ty theo định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty. Xin trân trọng cảm ơn Hội nghị!

**T/M BAN KIỂM SOÁT**

**N-i nhĒn:**

- ĐHCĐ 2014;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Thành viên Ban Giám đốc.

**PHẠM THỊ NGỌC DIỆP**



# CÁC PHỤ LỤC

## KẾT QUẢ KINH DOANH 2013 CỦA JSI

Nội dung/ Content		Year to date as of 31st December 2013			Ratio %	Remark
		Kế hoạch/ Plan	Thực hiện/ Actual	Different amount		
<b>DOANH THU</b>	<b>INCOME</b>					
Phí môi giới	Brokerage fee	15,075,245,245	9,266,074,074	(5,809,171,171)	61%	
<i>Trong nước</i>	<i>Local</i>	3,400,248,380	2,081,960,081	(1,318,288,299)	61%	
<i>Nước ngoài</i>	<i>Foreign</i>	11,674,996,865	7,184,113,993	(4,490,882,872)	62%	
Lãi tiền gửi	Cash deposit interest	3,603,546,695	3,492,014,760	(111,531,935)	97%	
Phí dịch vụ & khác	Service fee	2,742,068,496	3,771,841,992	1,029,773,496	138%	
<b>CỘNG THU NHẬP</b>	<b>TOTAL INCOME</b>	<b>21,420,860,436</b>	<b>16,529,930,826</b>	<b>-4,890,929,610</b>	<b>77%</b>	
<b>CHI PHÍ</b>	<b>COST</b>					
Chi phí nhân công	Labour cost	9,008,271,829	8,067,931,441	(940,340,388)	90%	
<i>- Lương theo doanh thu nội địa</i>	<i>- Sale salary in domestic</i>					
Phí giao dịch phải trả Sở/ TT	Fee payable to HSX, HNX, VSD	1,285,270,150	922,349,249	(362,920,901)	72%	
Lãi vay ngân hàng	Interest charge pay for bank	1,631,619,394	1,199,843,183	(431,776,211)		
Chi phí khấu hao TSCĐ	FA depreciation/ amortization	450,420,194	387,289,856	(63,130,338)	86%	
Chi phí thông tin liên lạc	Communication fee	1,500,895,860	1,457,521,350	(43,374,510)	97%	
Thuê văn phòng	Office leasing fee	1,499,458,364	1,497,877,146	(1,581,218)	100%	
Chi phí đi lại	Transportation fee	115,558,397	80,022,405	(35,535,992)	69%	
Phí dịch vụ tư vấn bên ngoài	Outsourcing consulting fee	276,272,000	178,147,000	(98,125,000)	64%	
Chi phí giao dịch, marketing	Public relation and marketing exp.	289,496,136	418,294,892	128,798,756	144%	
Thuế, phí phải nộp NSNN	Tax and fee payable to SB	119,544,121	155,980,406	36,436,285	0%	
Chi phí văn phòng	Office expenditures	237,038,276	312,566,390	75,528,114	132%	
Chi phí khác	Other expenses	440,404,606	396,060,209	(44,344,397)	90%	
<b>CỘNG CHI PHÍ</b>	<b>TOTAL EXPENSES</b>	<b>16,854,249,327</b>	<b>15,073,883,527</b>	<b>-1,780,365,800</b>	<b>89%</b>	
<b>LÃI (LỖ)</b>	<b>PROFIT (LOSS)</b>	<b>4,566,611,109</b>	<b>1,456,047,299</b>	<b>-3,110,563,810</b>	<b>32%</b>	



**Bảng 1: Bảng cân đối kế toán (Tóm lược)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

<i>ĐVT: 1000 VND</i>					
Số TT	Nội dung	Đầu kỳ (01.01.2013)	Cuối kỳ (31.12.2013)	Tỷ lệ (%)	Tăng/ Giảm Số tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 - 3
<b>A</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>66,304,541</b>	<b>71,114,532</b>	<b>100%</b>	<b>4,809,991</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>58,059,983</b>	<b>62,820,146</b>	<b>88%</b>	<b>4,760,163</b>
	Trong đó: Tiền mặt và tiền gửi	12,305,542	8,744,644	12%	- 3,560,898
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>8,244,559</b>	<b>8,294,386</b>	<b>12%</b>	<b>49,827</b>
	Phải thu dài hạn	6,764,787	6,764,787	10%	-
	Nguyên giá tài sản dài hạn	5,792,600	5,165,406		- 627,194
	Khấu hao lũy kế	- 4,701,940	- 4,257,939		444,000
	Tài sản dài hạn khác	389,112	622,132	8%	233,020
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>66,304,541</b>	<b>71,114,532</b>	<b>100%</b>	<b>4,809,991</b>
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>22,704,746</b>	<b>28,291,382</b>	<b>40%</b>	<b>5,586,635</b>
1	Nợ ngắn hạn	22,704,746	28,291,382	40%	5,586,635
2	Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn	10,343,855	13,358,498	19%	3,014,644
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>43,599,794</b>	<b>42,823,150</b>	<b>60%</b>	<b>- 776,644</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41,000,000	41,000,000	58%	-
2	Lãi/ lỗ lũy kế	2,599,794	1,823,150	3%	- 776,644

**Bảng 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
Cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2013

Unit : 1000 VND

STT	Nội dung	Year 2012			Year 2013		
		Plan	Actual	Ratio (%)	Kế hoạch	Thực tế	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=4/3	17	18	19=18/17
I	<b>Tổng thu nhập</b>	18,074,043	17,494,806	97%	21,420,860	16,529,931	77%
1	<b>Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán</b>	11,300,614	11,783,110	104%	15,075,245	9,266,074	61%
	- Trong nước	2,376,925	2,196,916	92%	3,400,248	2,081,960	61%
	- Nước ngoài	8,923,689	9,586,194	107%	11,674,997	7,184,114	62%
2	<b>Dịch vụ tài chính</b>	2,336,937	1,122,587	48%	2,247,451	1,568,300	70%
3	<b>Dịch vụ tư vấn</b>	366,133	410,487	112%	494,617	2,203,542	446%
4	<b>Lãi tiền gửi</b>	4,070,359	4,178,622	103%	3,603,547	3,492,015	97%
II	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	13,905,440	14,439,077	104%	16,854,249	15,073,884	89%
III	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	4,168,603	3,055,729	73%	4,566,611	1,456,047	32%
IV	<b>Thuế</b>	1,042,151	768,920	74%	1,106,957	364,012	33%
V	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	3,126,453	2,286,809	73%	3,459,654	1,092,035	32%

STT	Nội dung	Q I.2013			Q II.2013		
		Plan	Actual	Ratio (%)	Plan	Actual	Ratio (%)
1	2	5	6	7=6/5	8	9	10=9/8
I	<b>Tổng thu nhập</b>	6,033,760	5,493,907	91%	4,846,700	3,982,464	82%
1	<b>Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán</b>	4,346,245	3,851,576	89%	3,351,000	2,584,065	77%
	- Trong nước	664,248	632,287	95%	817,000	445,034	54%
	- Nước ngoài	3,681,997	3,219,288	87%	2,534,000	2,139,031	84%
2	<b>Dịch vụ tài chính</b>	604,351	533,059	88%	490,700	311,925	64%
3	<b>Dịch vụ tư vấn</b>	134,617	138,418	103%	120,000	202,880	169%
4	<b>Lãi tiền gửi</b>	948,547	970,854	102%	885,000	883,594	100%
II	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	4,205,849	4,072,759	97%	4,124,900	3,688,520	89%
III	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	1,827,911	1,421,147	78%	721,800	293,944	41%
IV	<b>Thuế</b>	456,977	355,287	78%	180,450	73,486	41%
V	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	1,370,933	1,065,861	78%	541,350	220,458	41%

STT	Nội dung	Q III.2013			Q IV.2013		
		Kế hoạch	Thực tế	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực tế	Tỷ lệ (%)
1	2	11	12	13=12/11	14	15	16=15/14
I	<b>Tổng thu nhập</b>	5,588,800	3,275,324	59%	4,951,600	3,778,236	76%
1	<b>Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán</b>	4,027,000	1,394,805	35%	3,351,000	1,435,629	43%
	- Trong nước	927,000	416,209	45%	992,000	588,430	59%
	- Nước ngoài	3,100,000	978,596	32%	2,359,000	847,199	36%
2	<b>Dịch vụ tài chính</b>	556,800	311,312	56%	595,600	412,003	69%
3	<b>Dịch vụ tư vấn</b>	120,000	718,635	599%	120,000	1,143,609	953%
4	<b>Lãi tiền gửi</b>	885,000	850,572	96%	885,000	786,995	89%
II	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	4,265,800	3,527,200	83%	4,257,700	3,785,405	89%
III	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	1,323,000	251,876	-19%	693,900	7,169	-1%
IV	<b>Thuế</b>	330,750	-	0%	138,780	(64,761)	-47%
V	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	992,250	251,876	-25%	555,120	57,592	10%

**Bảng 3: Cơ cấu doanh thu**  
**Cho kỳ kế toán từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2013**

SST	Nội dung	<i>Unit : 1000 VND</i>			
		Năm 2012		Năm 2013	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	<b>Doanh thu hoạt động môi giới</b>	<b>11,783,110</b>	<b>67%</b>	<b>9,266,074</b>	<b>56%</b>
	- Môi giới trong nước	2,196,916	13%	2,081,960	13%
	- Môi giới nước ngoài	9,586,194	55%	7,184,114	43%
2	<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>1,122,587</b>	<b>6%</b>	<b>1,568,300</b>	<b>9%</b>
3	<b>Dịch vụ tư vấn</b>	<b>410,487</b>	<b>2%</b>	<b>2,203,542</b>	<b>13%</b>
4	<b>Lãi tiền gửi</b>	<b>4,178,622</b>	<b>24%</b>	<b>3,492,015</b>	<b>21%</b>
5	<b>Dịch vụ khác</b>	-	0%	-	0%
	<b>Tổng</b>	<b>17,494,806</b>	<b>100%</b>	<b>16,529,931</b>	<b>100%</b>

SST	Nội dung	Q I 2013		Q II 2013	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	<b>Doanh thu hoạt động môi giới</b>	<b>3,851,576</b>	<b>70%</b>	<b>2,584,065</b>	<b>65%</b>
	- Môi giới trong nước	632,287	12%	445,034	11%
	- Môi giới nước ngoài	3,219,288	59%	2,139,031	54%
2	<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>533,059</b>	<b>10%</b>	<b>311,925</b>	<b>8%</b>
3	<b>Dịch vụ tư vấn</b>	<b>138,418</b>	<b>3%</b>	<b>202,880</b>	<b>5%</b>
4	<b>Lãi tiền gửi</b>	<b>970,854</b>	<b>18%</b>	<b>883,594</b>	<b>22%</b>
5	<b>Dịch vụ khác</b>	-	0%	-	0%
	<b>Tổng</b>	<b>5,493,907</b>	<b>100%</b>	<b>3,982,464</b>	<b>100%</b>

SST	Nội dung	Q III 2013		Q IV.2013	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	<b>Doanh thu hoạt động môi giới</b>	<b>1,394,805</b>	<b>43%</b>	<b>1,435,629</b>	<b>38%</b>
	- Môi giới trong nước	416,209	13%	588,430	16%
	- Môi giới nước ngoài	978,596	30%	847,199	22%
2	<b>Dịch vụ tài chính</b>	<b>311,312</b>	<b>10%</b>	<b>412,003</b>	<b>11%</b>
3	<b>Dịch vụ tư vấn</b>	<b>718,635</b>	<b>22%</b>	<b>1,143,609</b>	<b>30%</b>
4	<b>Lãi tiền gửi</b>	<b>850,572</b>	<b>26%</b>	<b>786,995</b>	<b>21%</b>
5	<b>Dịch vụ khác</b>	-	0%	-	0%
	<b>Tổng</b>	<b>3,275,324</b>	<b>100%</b>	<b>3,778,236</b>	<b>100%</b>

## KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014 CỦA JSI

Nội dung	Jan	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December	Total 2014
<b>DOANH THU</b>													
Phí Môi giới	749.50	1,031.41	972.00	1,017.00	885.00	885.00	1,017.00	1,017.00	1,194.00	1,017.00	1,149.00	1,194.00	12,127.92
- Nội địa	329.57	524.31	252.00	252.00	210.00	210.00	252.00	252.00	294.00	252.00	294.00	294.00	3,415.89
- Nước ngoài	419.93	507.10	720.00	765.00	675.00	675.00	765.00	765.00	900.00	765.00	855.00	900.00	8,712.03
Lãi tiền gửi	266.25	194.84	150.00	150.00	150.00	150.00	150.00	150.00	150.00	150.00	150.00	150.00	1,961.09
Phí dịch vụ & khác	293.51	551.37	228.60	260.60	260.60	292.60	292.60	292.60	324.60	324.60	324.60	388.60	3,834.89
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	40.13	63.37	26.40	30.80	30.80	35.20	35.20	35.20	39.60	39.60	39.60	48.40	464.31
- Dịch vụ Margin	220.83	196.94	165.50	193.10	193.10	220.70	220.70	220.70	248.30	248.30	248.30	303.50	2,679.97
- Vietnam Dream Fund (MB)	1.79	9.86	6.70	6.70	6.70	6.70	6.70	6.70	6.70	6.70	6.70	6.70	78.65
- Phí tư vấn & khác	30.76	31.04	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	361.80
Thu nhập khác	-	250.16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	250.16
Hội đồng đầu tư	-	-	250.00	250.00	250.00	250.00	250.00	250.00	250.00	250.00	250.00	250.00	2,500.00
Phí Lưu ký nội địa	4.00	3.76	4.20	4.30	4.40	4.50	4.60	4.70	4.80	5.00	5.10	5.20	54.56
Quỹ mở MB	0.92	1.59	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	34.51
<b>CỘNG THU NHẬP</b>	<b>1,314</b>	<b>1,783</b>	<b>1,608</b>	<b>1,685</b>	<b>1,553</b>	<b>1,585</b>	<b>1,717</b>	<b>1,718</b>	<b>1,927</b>	<b>1,750</b>	<b>1,882</b>	<b>1,991</b>	<b>20,513</b>
<b>CHI PHÍ</b>													
Chi phí nhân công	695.32	807.74	630.50	671.50	688.00	703.00	703.00	705.70	740.70	740.70	740.70	794.70	8,621.55
Phí giao dịch phải trả Sỡ/TT	91.37	123.75	98.30	98.30	84.00	84.00	98.30	98.30	116.60	98.30	116.60	116.60	1,224.42
Lãi vay ngân hàng	116.30	133.32	93.33	93.33	93.33	93.33	93.33	93.33	93.33	93.33	93.33	93.33	1,182.96
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.66	31.66	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	35.00	413.31
Chi phí thông tin liên lạc	119.03	119.23	154.01	154.01	154.01	154.01	154.01	154.01	154.01	154.01	154.01	154.01	1,778.37
Thuê văn phòng	119.85	119.85	120.00	120.00	120.00	120.00	120.00	120.00	120.00	120.00	120.00	120.00	1,439.71
Chi phí đi lại	5.33	3.89	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50	6.50	74.22
Phí dịch vụ tư vấn bên ngoài	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	17.00	204.00
Chi phí giao dịch, marketing	0.83	5.46	36.64	36.64	36.64	36.64	36.64	36.64	36.64	36.64	36.64	36.64	372.64
Thuế, phí phải nộp NSNN	16.65	15.03	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	161.68
Chi phí văn phòng	27.00	26.25	27.40	27.40	27.40	27.40	27.40	27.40	27.40	27.40	27.40	27.40	327.25
Chi phí khác	24.35	32.15	38.71	38.71	38.81	38.81	38.81	38.81	38.81	38.61	38.61	38.61	443.80
<b>Cộng chi phí</b>	<b>1,264.70</b>	<b>1,435.32</b>	<b>1,270.39</b>	<b>1,311.39</b>	<b>1,313.69</b>	<b>1,328.69</b>	<b>1,342.99</b>	<b>1,345.69</b>	<b>1,398.99</b>	<b>1,380.49</b>	<b>1,398.79</b>	<b>1,452.79</b>	<b>16,243.92</b>
<b>LÃI/LỖ</b>													
Lợi nhuận trước thuế	49	348	337.61	373.71	239.51	256.61	374.41	371.81	527.61	369.31	483.11	538.21	4,269.05
Thuế TNDN (20%)	10	70	67.52	74.74	47.90	51.32	74.88	74.36	105.52	73.86	96.62	107.64	853.81
Lợi nhuận sau thuế	40	278	270.09	298.97	191.61	205.29	299.53	297.45	422.09	295.45	386.49	430.57	3,415.24

## PHƯƠNG ÁN TRÍCH LẬP THU NHẬP DOANH NGHIỆP NĂM 2013

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2013

Công ty Cổ phần chứng khoán Nhật bản dự kiến phân phối lợi nhuận như sau:

TT	Diễn giải	2010, 2011 Số tiền	Tỷ lệ %	2012 Số tiền	Tỷ lệ %	2013 Số tiền	Tỷ lệ %	Cộng dồn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>Kết quả kinh doanh</b>								
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,607,709,324		3,055,729,908		1,456,047,299		6,119,486,531	
2	Thu nhập tính thuế	401,927,331		3,055,729,908		1,456,047,299		4,913,704,538	
3	Thuế TNDN (25% 1-6/2013 và 20% 7-12/2013)	401,927,331		768,920,326		364,011,825		1,534,859,482	
4	Lợi nhuận sau thuế	1,205,781,993		2,286,809,582		1,092,035,474		4,584,627,049	
5	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	634,203,117				189,447,666		823,650,783	
6	<b>Lợi nhuận sau thuế lũy kế</b>	<b>1,839,985,110</b>		<b>2,286,809,582</b>		<b>1,281,483,140</b>		<b>5,408,277,832</b>	
	<b>Vốn góp</b>	41,000,000,000	3.5%	41,000,000,000	4.0%	41,000,000,000	3.1%		
	<b>Kế hoạch phân chia lợi nhuận</b>								
7	Chia cổ tức cổ đông	1,435,000,000	78%	1,640,000,000	72%	1,086,500,000	85%	4,161,500,000	
8	Quỹ bổ sung vốn điều lệ	165,598,660	9%	114,340,479	5%	64,074,157	5%	344,013,296	Trích theo quy định
9	Quỹ dự phòng tài chính	147,387,195	8%	114,340,479	5%	64,074,157	5%	325,801,831	Trích theo quy định
10	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	91,999,256	5%	114,340,479	5%	64,074,157	5%	270,413,892	
11	Trích chi phí HĐQT, BKS			114,340,479	5%	0	0%	114,340,479	
12	Lợi nhuận để lại			189,447,666	8%	2,760,669	0%	192,208,334	
	<b>Cộng</b>	<b>1,839,985,111</b>	<b>100%</b>	<b>2,286,809,582</b>	<b>100%</b>	<b>1,281,483,140</b>	<b>100%</b>	<b>5,408,277,832</b>	

TOP 10 THỊ PHẦN CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN 2013

Tên Cty	HNX							
	Q4/2013		Q3/2013		Q2/2103		Q1/2013	
	STT	Thị phần	STT	Thị phần	STT	Thị phần	STT	Thị phần
VNDS	1	7.56%	3	6.79%	4	6.45%	2	8.09%
HSC	2	7.38%	1	9.75%	1	8.83%	1	10.54%
MBS	3	7.15%	2	7.97%	3	6.63%	3	7.25%
SSI	4	6.85%	4	6.12%	2	6.88%	4	5.54%
ACBS	5	5.60%	5	5.69%	5	6.19%	6	4.60%
FPTS	6	4.90%	6	5.03%	6	4.70%	5	4.70%
BSC	7	4.85%	7	4.72%			10	3.21%
BVSC	8	4.84%	8	4.36%	9	3.24%	8	3.62%
Tân Việt	9	3.75%						
VPBS	10	3.56%			10	3.21%		
MBKE			9	3.94%	7	4.09%	7	4.22%
SHS			10	3.85%	8	3.78%	9	3.61%
VPBS					10	3.21%		
...								
JSI		0.47%		0.54%		0.42%		0.63%

Tên Cty	HOSE							
	Q4/2013		Q3/2013		Q2/2103		Q1/2013	
	STT	Thị phần	STT	Thị phần	STT	Thị phần	STT	Thị phần
HSC	1	12.84%	1	14.14%	1	12.57%	1	13.82%
SSI	2	10.55%	2	9.72%	2	11.47%	2	10.66%
VCS	3	7.64%	3	8.31%	4	6.04%	4	5.90%
ACBS	4	6.53%	4	6.44%	3	6.63%	3	6.73%
VNDS	5	6.21%	5	4.94%	6	4.79%	5	5.10%
MBS	6	5.90%	6	4.76%	7	4.77%	7	4.65%
MBKE	7	4.49%	7	4.74%	8	4.51%	6	4.67%
FPTS	8	4.42%	10	3.94%	9	4.10%	8	4.21%
BSC	9	3.31%						
VCBS	10	3.46%						
CTS			8	4.48%				
VPBS			9	3.96%	10	3.08%		
VDSC					5	5.16%	9	3.23%
BVSC							10	3.03%
...								
JSI		0.50%		0.69%		0.93%		1.33%

VỐN ĐIỀU LỆ TRUNG BÌNH (Đơn vị: Tỷ đồng)

HNX		
No	Tên Công ty	Vốn điều lệ
1	VNDS	999.99
2	HSC	1,008.00
3	MBS	1,200.00
4	SSI	3,526.10
5	ACBS	1,500.00
6	FPTS	733.30
7	BSC	865.00
8	BVSC	451.50
9	Tân Việt	350.00
10	VPBS	800.00
Trung bình		1,143.39

HOSE		
No	Tên Công ty	Vốn điều lệ
1	HSC	1,008.00
2	SSI	3,526.10
3	VCS	396.90
4	ACBS	1,500.00
5	VNDS	999.99
6	MBS	1,200.00
7	MBKE	300.00
8	FPTS	733.30
9	BSC	865.00
10	VCBS	700.00
Trung bình		1,122.93

Triển Vọng Thị Trường Chứng Khoán Việt Nam 2014

# Dự báo Kinh Tế - Chứng Khoán

## - Dưới góc nhìn từ dòng vốn đầu tư

---

### Tóm tắt:

Tháng 1/2014, Quốc hội Việt Nam thông qua các mục tiêu kinh tế, xã hội kế hoạch cho cả năm. Một số chỉ tiêu chính: tăng trưởng GDP đặt 5.8%, CPI tăng 7%. Những mục tiêu này cùng với những điều kiện khác cho thấy một cục diện tươi sáng hơn trong năm 2014. Tuy nhiên, do hạn chế của nguồn vốn đầu tư của Việt Nam, JSI cho rằng cục diện kinh tế sẽ như năm 2013.

Để giữ được tỷ lệ tăng trưởng GDP, Chính phủ Việt Nam phải giữ nguyên đầu tư công ngay cả khi nguồn thu giảm. Điều này làm cho thâm hụt ngân sách cao hơn, đạt 224 nghìn tỷ. Chính phủ không có lựa chọn nào ngoài (1) bán cổ phần ở các tập đoàn Nhà nước và (2) tăng giá hàng tiêu dùng có kiểm soát. Các giải pháp này sẽ làm suy yếu tổng cầu nhưng đem lại sự hỗ trợ cho thị trường chứng khoán bởi sự khá lên của các tập đoàn Nhà nước và thị trường bất động sản.

Trong năm 2014, VnIndex kỳ vọng sẽ đạt mức cao nhất, 570 điểm. VnIndex sẽ dao động xung quanh mức 550 điểm với tổng giá trị giao dịch tăng 15% so với năm 2013.

## I. TRIỂN VỌNG KINH TẾ: TƯƠNG TỰ NĂM 2013

Tháng 1 năm 2014, Quốc hội đã thông qua mức tăng trưởng 5.8% cho năm 2014. Con số này cao hơn một chút mức tăng trưởng thực năm 2013. Kết quả, nó tạo ra ấn tượng tích cực trong nền kinh tế. (Bảng 1)

**Bảng 1: Tài khoản quốc gia**

	2014 Mục Tiêu	2013 Thực Tế
Tăng trưởng GDP (%)	5.80	5.42
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	10.0	15.4
Thâm hụt thương mại (% of Nhập khẩu)	Dưới 6.0	1.2
Chỉ số giá tiêu dùng (%)	Dưới 7.0	6.6
Đầu tư xã hội/GDP (%)	30.0	30.4

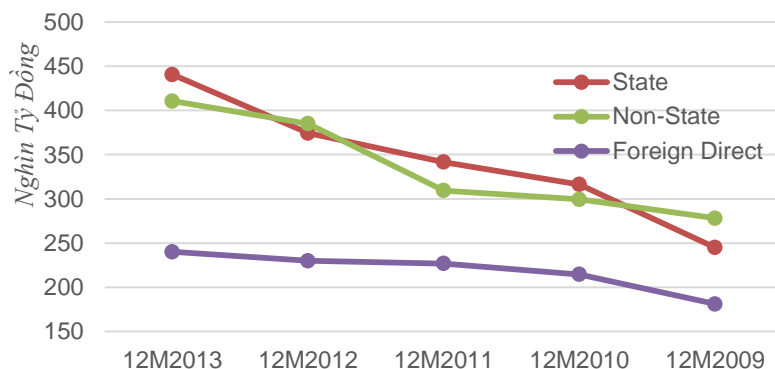
Nguồn: Quốc hội/Tổng cục Thống kê

Nhận định về một năm tương sáng được kỳ vọng bởi rất nhiều người, vì: (1) Dữ liệu GDP cho thấy VN đã qua đáy, (2) Chỉ số CPI và nền lãi suất đã được kiểm soát. Hệ thống ngân hàng ổn định hơn là dấu hiệu của một nền kinh tế ổn định hơn (3) Các chương trình cứu trợ kinh tế đang được thực hiện và sẽ đem lại kết quả trong năm 2014. Tuy nhiên, xét kỹ hơn về đầu tư xã hội, triển vọng năm 2014 sẽ không được như kỳ vọng.

### 1. Phân Tích Đầu Tư Xã Hội: Đầu tư công đóng vai trò quan trọng nhất trong quốc gia khi đầu tư từ khu vực tư nhân suy yếu.

Theo các báo cáo của Chính phủ, hơn 60 ngàn công ty đã đóng cửa trong năm 2013. Thực tế này cho biết nền kinh tế đang yếu như thế nào. Nhu cầu nội địa yếu hơn làm cho đầu tư tư nhân giảm (bao gồm tư nhân trong nước và nước ngoài). Để duy trì được tăng trưởng GDP nhất định, Chính phủ Việt Nam đã đẩy mạnh đầu tư Chính phủ (Hình 1)

**Hình 1: Phân Tích Đầu Tư Xã Hội**

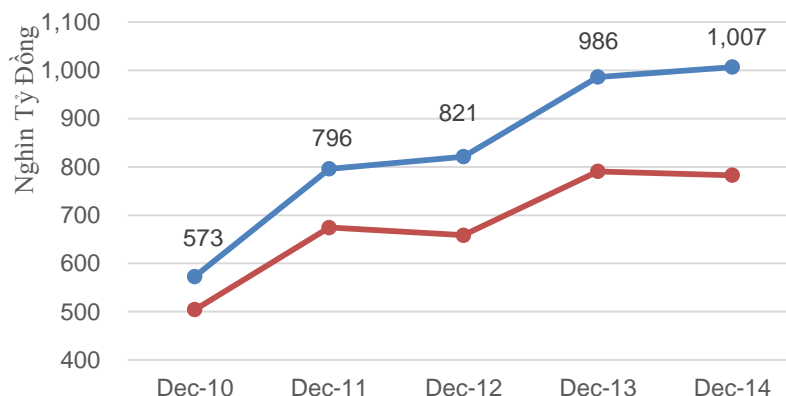


Source: Tổng cục Thống kê

Nói cách khác, đầu tư công năm 2014 sẽ quyết định nền kinh tế tăng trưởng thế nào. Kế hoạch chi tiêu trong năm 2014 của chính phủ cho thấy định hướng đầu tư công trong năm.



Chart 2: State budget actual balance



Nguồn: chinhphu.vn  
2014 Số kế hoạch

Đễ dàng thấy rằng dự toán chi năm 2014 không khác số thực chi năm 2013. Do đó, tăng trưởng GDP sẽ phụ thuộc và đầu tư tư nhân và FDI.

Thực tế, Chính phủ không còn lựa chọn nào khác do ngân sách nhà nước đang gặp khó khăn. Quan trọng hơn, từ cân đối ngân sách năm 2013, chúng ta có thể rút ra hai kết luận: (1) Việt Nam đã hết tiền để tăng đầu tư và (2) kết quả kinh doanh của các tập đoàn thấp hơn nhiều so với kỳ vọng. Chi tiết như sau:

Bảng 2: Thu Ngân Sách Nhà Nước–Phân Tích Chi Tiết

Nghìn Tỷ Đồng	2014		2013	
	Mục Tiêu	Tăng So với Thực Tế 2013	Thực Tế	% Đạt Được
<b>Total</b>	<b>782.7</b>	<b>-1%</b>	<b>790.8</b>	<b>97%</b>
Nội địa	539	2%	530.0	97%
+ Công ty nhà nước (SOEs)	184.6	16%	159.3	91%
+ Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	111.6	0%	111.2	92%
+ Tư nhân	107.3	-3%	110.2	92%
+ Thuế thu nhập cá nhân	47.4	3%	45.8	83%
+ Thuế bảo vệ môi trường	12.6	7%	11.7	82%
+ Phí	10.3	-32%	15.2	147%
+ Thuế và phí khác	65.3	-15%	76.6	124%
Dầu thô	N/a	N/a	115.0	116%
Nhập khẩu-Xuất khẩu	N/a	N/a	140.8	85%

Nguồn: chinhphu.vn

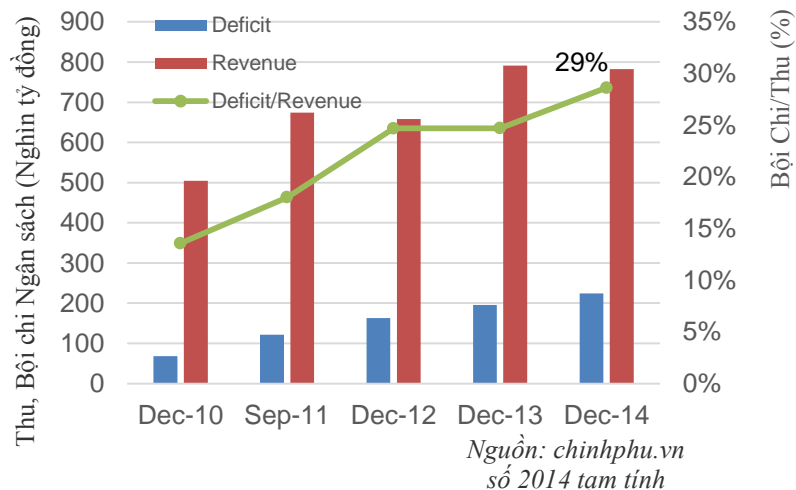
Đễ dàng thấy được là lợi nhuận từ các công ty nhà nước, công ty tư nhân và các tập đoàn FDI đã không đạt được mục tiêu kinh doanh năm 2013. Điều này nghĩa là các tập đoàn vẫn trong tình trạng kinh doanh yếu kém. Do đó tổng cầu cũng sẽ kém. Thuế thu nhập cá nhân chỉ đạt 83% kế hoạch cho thấy tổng cầu của nền kinh tế yếu thế nào. Các tập đoàn ở khu vực tư nhân sẽ không mở rộng đầu tư khi mà tổng cầu vẫn yếu.

Do đó, trong năm 2013, tổng đầu tư xã hội tăng thêm 10% để tạo ra tăng trưởng GDP 5.42%. Trong năm 2014, với cùng (hoặc ít hơn) tổng đầu tư xã hội tương tự vậy, sẽ rất khó để đạt được tăng trưởng GDP 5.8%.

## 2. Nhiệm vụ chính của chính phủ năm 2014.: Cân bằng ngân sách và Ổn định kinh tế.

Trong năm 2013, bội chi ngân sách Nhà nước đạt 195,4 nghìn tỷ đồng, mức cao nhất từ trước đến nay. Tình trạng này rất căng thẳng. Thủ tướng Chính phủ đã hai điện khẩn yêu cầu tất cả các cơ quan Chính phủ ngừng phát hành tất cả chính sách làm giảm thu ngân sách. Chỉ đạo của Thủ tướng cũng yêu cầu rà soát và rút vốn khỏi các dự án không cần thiết để tiết kiệm chi. Những chỉ đạo như vậy của Thủ tướng hàm ý tình trạng bội chi đã căng thẳng thế nào. Ngược lại, Chính phủ phải duy trì chi công và đầu tư công ở một mức nhất định để giữ GDP tăng trưởng. Kết quả là, trong năm 2014, Chính phủ quyết định giữ nguyên mức chi công mặc dù phải nói bội chi ngân sách thành 224 nghìn tỷ đồng. Tương đương với 29% dự toán thu ngân sách. Mức cao nhất trong những năm gần đây.

Hình 3: Bội chi ngân sách & thu ngân sách - Thực tế



Chính phủ đã đồng ý phát hành 224 nghìn tỷ đồng trái phiếu để bù đắp bội chi. Làm như vậy chỉ giải quyết vấn đề bội chi tạm thời. Chính phủ vẫn tìm cách tăng thu để trả nợ trái phiếu đã phát hành.

Hãy xem xét các nguồn thu của Chính phủ:

- Giảm chi
- Tăng thuế và phí
- Tăng lợi nhuận thu được từ các tập đoàn Nhà nước
- Bán tài sản – Nguồn thu duy nhất hiện nay

Như đã đề cập, Chính phủ không thể giảm chi vì nhiệm vụ duy trì tăng trưởng GDP. Bên cạnh đó, áp lực chính trị buộc chính phủ phải giảm thuế để hỗ trợ doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn. Hai khả năng có thể xảy ra là tăng lợi nhuận từ các Tập đoàn và Bán tài sản. Quá trình triển khai bù đắp ngân sách theo hai định hướng trên sẽ định hướng thị trường chứng khoán.

## II. GIẢI PHÁP CÂN BẰNG NGÂN SÁCH VÀ TÁC ĐỘNG TỚI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN:

### 1. Bán cổ phần ở các tập đoàn Nhà nước:

Trong năm 2014 và 2015, Chính phủ dự định bán cổ phần của Nhà nước ở 376 công ty, bao gồm các Tập đoàn lớn như VINACONEX, BAOVIETHOLDING, FPT GROUP, BINH MINH PLASTIC, TIEN PHONG PLASTIC,...thông qua Công ty Quản lý vốn Nhà nước (SCIC). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng có kế hoạch bán cổ phần tại 4 Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà nước.

Người mua trong nước không thể đáp ứng được các thương vụ lớn từ việc thoái vốn của Chính phủ bởi hầu hết các công ty lớn nhất đều nằm trong tay nhà nước. Do vậy, nhà đầu tư nước ngoài là những khách hàng tiềm năng chính. Nhưng sở hữu nước ngoài tại một công ty Việt Nam bị giới hạn ở mức tối đa 49% và những công ty nội địa tốt nhất room khối ngoại đã đầy. Kết quả là, 2 điều kiện sau cần được thực thi trước tiên:

- Nói sở hữu nước ngoài tại các tập đoàn và ngân hàng;
- Kích thích thị trường chứng khoán để thị trường này hấp dẫn hơn;

Về việc nói room khối ngoại, sở hữu cho phép của nhà đầu tư nước ngoài trong hệ thống ngân hàng đã được thực hiện. Room nói thêm không nhiều, nhưng đủ cho hệ thống vào lúc này. Thêm vào đó, tin đồn cho phép nói room khối ngoại sẽ được thực thi sớm, có thể là trước Tết 2014.

Mặt khác, những công cụ khác như gói cứu trợ 3.000 tỷ cũng cung cấp vốn hỗ trợ với lại suất thấp, hay sự hoạt động của VAMC, được kỳ vọng sẽ đạt hiệu quả trong năm 2014. Hai chương trình này được thiết kế để kích thích thị trường bất động sản và hỗ trợ hệ thống ngân hàng. Hai ngành này là chìa khoá để phát triển kinh tế bởi vì chúng liên đới tới rất nhiều ngành khác trong nền kinh tế.

### 2. Tăng lợi nhuận thu được các tập đoàn Nhà nước:

Những tập đoàn Nhà nước lớn nhất kiểm soát các nguồn tài nguyên như: xăng, gas, dầu, điện, và những sản phẩm hàng ngày như nước, sữa, dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, viễn thông, giao thông,...Chỉ hai ngày sau khi hai bức công hàm của Thủ tướng được gửi đi, giá xăng, gas, điện, nước đồng loạt tăng. Trong năm 2013, phí y tế, phí giáo dục, phí giao thông, điện, nước đều tăng. Kết quả là, mặc dù nền kinh tế đang trong tình trạng khó khăn với khoảng 60,000 doanh nghiệp đóng cửa cộng thêm việc lợi nhuận của các công ty tư nhân lớn giảm nghiêm trọng, những tập đoàn Nhà nước lớn nhất vẫn báo lãi khủng.

Điều tương tự được kỳ vọng xảy ra trong năm 2014.

### 3. Những tác động tới thị trường chứng khoán.

Dễ thấy rằng việc bán cổ phần tại các công ty Nhà nước và việc cải thiện ở các công ty này có tác động tích cực tới thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, việc bán cổ phần không thể bắt đầu nhanh chóng được. Do đó, thị trường chỉ kì vọng những tác động tạm thời từ việc bán cổ phần trong nửa đầu năm 2014. Thị trường có thể tăng nhanh nhưng chỉ trong một thời gian ngắn vào đầu năm khi những chính sách hỗ trợ này được công bố.

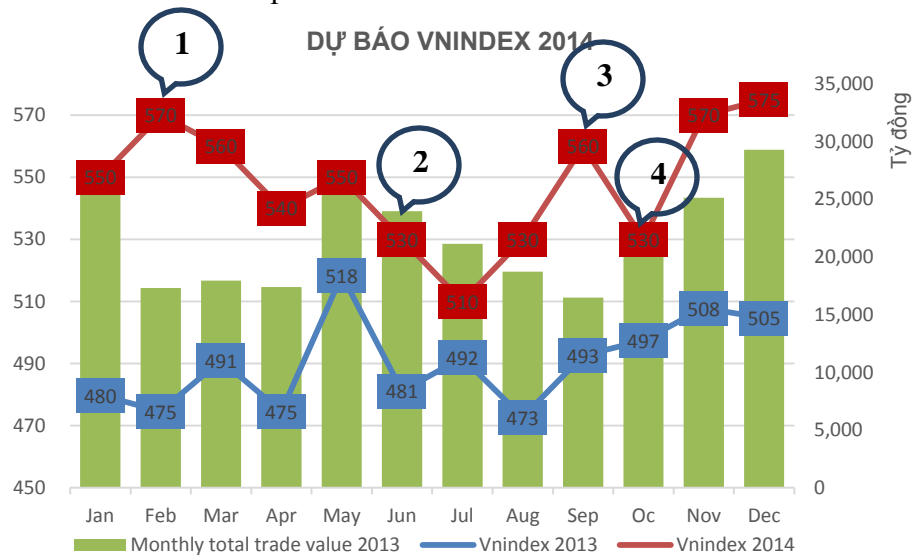
Trong tháng 5, 6 và 7, thị trường chứng khoán có thể giảm do việc thực thi Nghị định 02/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV). Nghị định yêu cầu các ngân hàng thương mại thắt chặt hệ thống tín dụng. Điều này có nghĩa là các ngân hàng phải trích lập dự phòng rủi ro cao hơn, do đó, làm giảm lợi nhuận. Giá cổ phiếu của những ngân hàng niêm yết có thể bị ảnh hưởng và kéo thị trường xuống một chút.

Sau việc thực hiện Nghị định 02/2013, sẽ không còn một nhân tố tiêu cực định trước nào nữa. Thị trường sẽ ổn định, sau đó tăng nhẹ vì những dự đoán thị trường bất động sản đã chạm đáy.

Lưu ý rằng cách kênh đầu tư hàng hoá sẽ không khả quan trong năm tới. Thị trường vàng kỳ vọng sẽ ảm đạm; thị trường bất động sản vẫn trong tình trạng khó khăn với cầu yếu; đầu tư tiền vào những thị trường như vậy sẽ không phải là lựa chọn tốt khi tổng cầu của nền kinh tế vẫn yếu.

### III. VNINDEX 2014 SẼ NHƯ THẾ NÀO

Năm 2014, với những tín hiệu khả quan nêu trên, VNINDEX được kỳ vọng dao động xung quanh mức 550 điểm. VNINDEX sẽ lên xuống giống như năm 2013 với một chút điều chỉnh như hình phía dưới.



Các sự kiện quan trọng được đánh dấu trong hình gồm:

1. Nói room – Sau nghỉ Tết;
2. Thực thi Nghị định 02/2013 cho các ngân hàng từ tháng 06/2014;
3. Thị trường chứng khoán sẽ tốt hơn nhờ: VAMC, gói cứu trợ 30 nghìn tỷ, các công ty làm ăn tốt hơn (các công ty trong ngành dịch vụ và dịch vụ công cộng).
4. Điều chỉnh ngắn hạn của sóng tăng. Sau đó thị trường sẽ tăng trở lại.

Về khối lượng giao dịch, những công ty lớn lên sàn năm 2014 như Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng công ty Dệt may Việt Nam, Tập đoàn Viglacera,...sẽ giúp tổng khối lượng giao dịch tăng. Mức tăng có thể là 15% so với năm trước.



## **QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## CÁC NỘI DUNG CHUNG:

### 1. Mục đích

- Nhằm đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012;
- Nhằm tiêu chuẩn hoá quy trình, thủ tục và các yêu cầu phải tuân thủ khi tiến hành thực hiện các công việc của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.

### 2. Phạm vi áp dụng

- Áp dụng cho các công việc của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.

### 3. Nguyên tắc chung

- Căn cứ theo Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012;
- Căn cứ theo Điều lệ Công ty của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên năm 2013 diễn ra ngày 13/04/2013.

## NỘI DUNG QUY TRÌNH

### A. *QUI TRÌNH NỘI BỘ VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:*

Căn cứ theo các điều từ 23 đến 30 Điều lệ Công ty, Quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như sau:

#### I. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp:
  - a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
  - b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCK và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.
2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
3. Các trường hợp phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm j khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này;
  - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
  - e) Các trường hợp khác mà pháp luật hiện hành có quy định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
4. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định của pháp luật. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thì Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty, đồng thời cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm j khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

## II. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a) Báo cáo tài chính năm;
  - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
  - c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;
  - d) Mức chi trả cổ tức đối với từng loại cổ phần;
  - e) Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
  - f) Các vấn đề khác được bổ sung theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có quyết định triệu tập họp và lập xong chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp;
  - c) Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;
  - d) Gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cơ bản về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm j khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất này

trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn;
- b) Cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại điểm j khoản 1 Điều 16 Điều lệ này;
- c) Vấn đề, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

### **III. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
  - a) Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật Doanh nghiệp và Điều 22 của Điều lệ này thì được phép ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **IV. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông, bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
2. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong



nội dung chương trình.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
5. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
  - b) Chủ tọa cử một người làm Thư ký, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu (gồm 03 người) theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
6. Chủ tọa và Thư ký của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
  - a) Yêu cầu tất cả người dự họp kiểm tra an ninh hoặc phục tùng các biện pháp an ninh khác;
  - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác (thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp) hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không

được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

- c) Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn hoặc tạm dừng trái với quy định nêu tại điểm a, b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp. Hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng bởi sự kiện này.

## V. Bầu dồn phiếu

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:
  - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến hai mươi phần trăm (20%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến bốn mươi phần trăm (40%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị và tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
  - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ trên bốn mươi phần trăm (40%) đến sáu mươi phần trăm (60%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng quản trị và tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
  - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ trên sáu mươi phần trăm (60%) đến tám mươi phần trăm (80%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng quản trị và tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
  - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ trên tám mươi phần trăm (80%) đến chín mươi phần trăm (90%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên Hội đồng quản trị và tối đa ba (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
  - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ trên chín mươi phần trăm (90%) trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.
4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

## **VI. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; bán trên năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.
5. Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan, không có quyền biểu quyết thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phiếu được quyền biểu quyết thông qua.
6. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Điều 105 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

## **VII. Hiệu lực quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.
2. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

### **VIII. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### ***B. QUY TRÌNH NỘI BỘ VỀ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:***

Căn cứ theo điều 34 Điều lệ Công ty, Quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng quản trị được thực hiện như sau:

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng tối thiểu mỗi quý phải tổ chức họp một (01) lần.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày trong các trường hợp sau đây:
  - a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát;
  - b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo

mời họp chậm nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được toàn thể các thành viên dự họp chấp thuận.
9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được lập biên bản và tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp. Biên bản họp phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### ***C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:***

Căn cứ theo điều 35 Điều lệ Công ty, trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
  - a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn xin từ chức;
  - d) Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng quản trị bị mất năng lực hành vi;
  - e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Các trường hợp khác mà pháp luật hiện hành có quy định về việc thành viên Hội đồng quản trị phải bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.
2. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm

hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

#### ***D. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ DO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BỔ NHIỆM, PHÊ CHUẨN:***

1. Hội đồng Quản trị được sử dụng nhân sự cần thiết phù hợp với cơ cấu nhân sự, thông lệ quản trị và cập nhật theo yêu cầu từ các cơ quan nhà nước. Các nhân sự do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm bao gồm:
  - Thành viên Ban giám đốc;
  - Kế toán trưởng;
  - Trưởng các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, bao gồm: Ban Quản trị rủi ro và Ban Kiểm toán nội bộ;
  - Thư ký Hội đồng Quản trị;
  - Các nhân sự khác theo yêu cầu quản lý tại từng thời điểm.
2. Các nội dung chung về bổ nhiệm nhân sự trực thuộc Hội đồng Quản trị:
  - Yêu cầu có đầy đủ các bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm và điều kiện theo yêu cầu của luật hiện hành và điều lệ Công ty;
  - Lương thưởng được thỏa thuận căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
3. Miễn nhiệm hay bãi nhiệm nhân sự do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm:
  - Hội đồng Quản trị có quyền xem xét việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các nhân sự do mình bổ nhiệm theo đúng qui định của pháp luật;
  - Thủ tục qui trình miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

#### ***E. QUY TRÌNH THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC:***

1. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh đến Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ hàng quý của Công ty; đồng thời có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trong một số trường hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty.

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của công ty mà Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
3. Trong một số phiên họp, Hội đồng Quản trị hoặc Ban Giám đốc có thể mời các cán bộ quản lý tham dự. Các cán bộ quản lý, điều hành có thể báo cáo tình hình hoạt động của phòng ban mình để Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát cùng nắm và có ý kiến tham gia.
4. Ban kiểm soát hoạt động độc lập theo qui định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi các thông tin cần thiết về những khó khăn và tồn tại từ các kết quả kiểm tra báo cáo tài chính đến Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, có thể đưa ra ý kiến nhận xét về tình hình tài chính và kinh doanh của Công ty.
5. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về vấn đề điều hành mọi hoạt động thường ngày của Công ty và thực hiện triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị sao cho có hiệu quả nhất.

***F. CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC DO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BỔ NHIỆM HOẶC PHÊ CHUẨN:***

1. Đối với thành viên Hội đồng Quản trị:
  - a) Đánh giá: Hội đồng Quản trị kiểm điểm đánh giá kết quả hoạt động của mỗi chức danh, thành viên hàng năm, dựa theo chức năng nhiệm vụ do điều lệ qui định và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
  - b) Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng Quản trị có quyền sử dụng quỹ phúc lợi khen thưởng để chi cho các khoản thưởng, và phải báo cáo trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
  - c) Kỷ luật: Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được qui định tại điều 35 Điều lệ Công ty.
2. Đối với Ban giám đốc:
  - a) Đánh giá: Hàng năm, Hội đồng Quản trị sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực và kết quả điều hành của Ban giám đốc dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Ban Kiểm soát.
  - b) Khen thưởng: Hội đồng Quản trị sẽ quyết định khen thưởng cho Ban giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng Quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho khen thưởng chung, trong đó có thành viên Ban Giám đốc.

- c) Kỷ luật: Thành viên Ban giám đốc có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được qui định tại điều 41 Điều lệ Công ty.
3. Đối với các nhân sự khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm:
- a) Đánh giá: Được thực hiện hàng năm theo qui chế đánh giá chung;
- b) Khen thưởng: Hội đồng Quản trị sẽ quyết định khen thưởng cụ thể cho mỗi nhân sự do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách đã thiết lập, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng Quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho khen thưởng chung, trong đó có các nhân sự do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
- c) Kỷ luật: Các nhân sự do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Công ty.

### **G. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ:**

Căn cứ theo điểm p khoản 2 điều 31 và điều 38 Điều lệ Công ty, Kiểm toán nội bộ là một bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy trình kiểm toán nội bộ được thực hiện như sau:

1. Quy trình kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản bao gồm:
- Lập kế hoạch kiểm toán (Kiểm toán hàng năm và từng cuộc kiểm toán);
  - Thực hiện kiểm toán;
  - Lập báo cáo kiểm toán nội bộ;
  - Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nội bộ.
2. Nội dung qui trình kiểm toán nội bộ:
- a) Lập kế hoạch kiểm toán:
- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
  - Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
  - Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
  - Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
  - Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
  - Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
  - Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
  - Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
  - Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;



- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
  - Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty;
  - Chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- b) Thực hiện kiểm toán:
- Đánh giá rủi ro tổng quát:
    - Tóm tắt những rủi ro đã xảy ra trong ngành chứng khoán năm trước và phương thức xử lý những rủi ro này.
    - Đánh giá tổng thể các rủi ro trong năm hiện tại, trong đó các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm: Rủi ro thị trường, Rủi ro thanh toán, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro pháp luật, Rủi ro hoạt động...
    - Đánh giá rủi ro theo 3 mức: Rủi ro cao, rủi ro trung bình và rủi ro thấp;
    - Tần suất kiểm toán nội bộ theo đánh giá rủi ro.
  - Đánh giá nền tảng thị trường và môi trường hoạt động:
    - Các chỉ số kinh tế cơ bản tác động đến hoạt động của Công ty;
    - Các xu hướng chính của nền kinh tế tác động đối với các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty (cho vay, rủi ro nợ khó đòi...) mà công việc của kiểm toán nội bộ cần tập trung.
  - Rà soát môi trường pháp lý tác động đến hoạt động của Công ty:
    - Những thay đổi về luật pháp tác động, ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty;
    - Các vi phạm chế độ chính sách được phát hiện trong các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trước.
  - Soát xét kết quả hoạt động:
    - So sánh các chỉ tiêu về kết quả hoạt động với kế hoạch;
    - Soát xét chi tiết theo từng khoản mục trong các báo cáo tài chính (bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh ...).
    - Đánh giá kết quả hoạt động, những dấu hiệu cho thấy có vấn đề trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - Soát xét những thay đổi cơ cấu tổ chức cán bộ:
    - Các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và nhân sự đã diễn ra;
    - Các vấn đề khác liên quan đến quản lý điều hành, giám sát hoạt động:
      - Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm các nhân sự chính.
      - Chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm và chấm dứt hợp đồng làm việc, quan điểm của Hội đồng quản trị về chế độ đãi ngộ, tiền lương, đào tạo...
  - Soát xét môi trường nội bộ thông qua đánh giá các nguồn thông tin:
    - Kế hoạch kinh doanh, các báo cáo quản trị và tài chính.
    - Hệ thống văn bản nội bộ.

- Các quy trình nghiệp vụ.
- Kết quả kiểm toán năm trước.
- Thông tin phục vụ lập kế hoạch kiểm toán hàng năm:
  - Các quy định hiện hành của pháp luật;
  - Các quy định nội bộ của Công ty;
  - Mục tiêu và chiến lược trung, dài hạn của cũng như kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - Và những thông tin khác từ bên ngoài để phục vụ cho việc rà soát môi trường hoạt động ngành.
- Chỉ đạo kiểm toán: Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ có quyền yêu cầu các phòng ban liên quan cung cấp số liệu cũng như các thông tin liên quan để phục vụ cho việc kiểm toán của bộ phận mình.
- c) Lập báo cáo kiểm toán nội bộ:
  - Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán độc lập và báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị.
  - Báo cáo Kiểm toán nội bộ phải đánh giá được các hạn chế và tồn tại (nếu có) và kiến nghị đề xuất để khắc phục tình trạng này.
- d) Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nội bộ:
  - Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ có quyền kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của bộ phận theo các nội dung của báo cáo trình lên Hội đồng Quản trị;
  - Các phòng/ban/bộ phận không thực hiện các kiến nghị, đề xuất của bộ phận Kiểm toán nội bộ phải giải trình và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị.

## ***H. CÁC QUY ĐỊNH LÀM VIỆC CỦA BAN GIÁM ĐỐC DO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA:***

1. Vị trí, chức năng của Tổng Giám đốc
  - Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi/miễn nhiệm;
  - Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
  - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc
  - a) Đối với các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của công ty
    - Trực tiếp điều hành và phân công nhiệm vụ để giải quyết các công việc hàng ngày của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:
      - Phân công giải quyết công việc cho các Phó Tổng Giám đốc;

- Giao nhiệm vụ cho các trưởng phòng triển khai thực hiện các công việc theo đúng chức năng;
  - Thu thập các thông tin liên quan đến các công việc hằng ngày của Công ty;
  - Ra quyết định giải quyết các công việc hằng ngày;
  - Quyết định kịp thời mọi vấn đề phát sinh liên quan đến công việc hằng ngày của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - Báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề không thuộc thẩm quyền xử lý, đồng thời đề xuất phương án giải quyết;
  - Thực hiện các giao dịch với khách hàng và các cơ quan quản lý nhà nước;
  - Đại diện cho Công ty trước các vụ tranh tụng, giải quyết các tranh chấp dân sự kinh tế; không được thực hiện các giao dịch dân sự với chính mình hoặc người/bên thứ ba mà mình cũng là người đại diện.
  - Thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
  - Ký các chứng từ và các hợp đồng, giao dịch theo thẩm quyền;
  - Ký các văn bản quản lý Công ty theo thẩm quyền;
  - Trình Hội đồng quản trị các hợp đồng, văn bản quản lý Công ty thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận;
- b) Đối với việc tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị:
- Lập phương án, kế hoạch, tổ chức thực hiện các quyết định nói trên;
  - Giao nhiệm vụ, đôn đốc cán bộ quản lý cấp dưới thực hiện các quyết định này;
- c) Đối với việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty
- Tổ chức thực hiện và kiểm tra đôn đốc cán bộ nhân viên thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty;
  - Trực tiếp xử lý hoặc đề xuất các biện pháp xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- d) Đối với vấn đề tài chính
- Lập báo cáo tài chính hàng năm trình Đại hội đồng Cổ đông và hàng quý trình Hội đồng quản trị;
  - Phân bổ nguồn tài chính hợp lý thực hiện các dự án và các công việc cụ thể theo kế hoạch kinh doanh;
  - Kiến nghị chiến lược tài chính trung và dài hạn của Công ty và các quy chế tài chính phù hợp với các quy định pháp luật về tài chính và đặc thù kinh doanh của Công ty;
  - Xây dựng phương án sử dụng vốn, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - Chuẩn bị các bản dự toán hàng năm và hàng tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

- e) Đối với vấn đề nhân lực
    - Ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, trả lương và các lợi ích khác đối với các cán bộ nhân viên của Công ty;
    - Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương đối với các vị trí không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty;
    - Xây dựng cơ cấu nhân sự của Công ty phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế;
    - Xây dựng phương án đào tạo nhân lực và đội ngũ cán bộ quản lý kế cận cho Công ty.
  - f) Đối với vấn đề phát triển thị trường
    - Xây dựng chiến lược phát triển thị trường trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
    - Khảo sát đánh giá tình hình thị trường trong và ngoài nước;
    - Chính sách chăm sóc khách hàng.
  - g) Đối với vấn đề về ký hợp đồng và các văn bản quản lý Công ty  
Thẩm quyền quyết định và ký các loại hợp đồng và văn bản quản lý Công ty tuân theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
3. Phân công - Ủy quyền
- Tổng Giám đốc được phân công ủy quyền, ủy nhiệm những quyền của mình cho cấp dưới thuộc quyền:
- Tổng Giám đốc được phân công, ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
  - Mọi phân công, ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.
4. Các nội dung khác bao gồm: Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; Tiêu chuẩn và điều kiện để làm Tổng Giám đốc; Bổ nhiệm, bãi miễn Tổng Giám đốc; Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc áp dụng theo các quy định tại các điều 39 - 41 trong Điều lệ Công ty.



## **QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRỰC THUỘC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

## CÁC NỘI DUNG CHUNG:

### 1. Mục đích

- Nhằm đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012;
- Nhằm tiêu chuẩn hoá quy trình, thủ tục và các yêu cầu phải tuân thủ khi tiến hành thực hiện các công việc của Ban Kiểm soát.

### 2. Phạm vi áp dụng

- Áp dụng cho các công việc của Ban Kiểm soát.

### 3. Nguyên tắc chung

- Căn cứ theo Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012;
- Căn cứ theo Điều lệ Công ty của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên năm 2013 diễn ra ngày 13/04/2013.

## NỘI DUNG QUY TRÌNH

### I. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi năm một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
  - a) Ít nhất 2 thành viên BKS;
  - b) Trưởng BKS;
  - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
  - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (1%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát phải được nêu rõ về: chương trình họp, thời gian họp, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
5. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên tham dự. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát lần đầu nhưng không đủ số

thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo.

6. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

7. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được quá bán số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

8. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của từ năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

## II. Hoạt động kiểm tra của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động của Công ty dựa trên qui định tại điều 43 Điều lệ Công ty CK Nhật Bản được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 13/04/2013 về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát;

2. Hình thức kiểm tra:

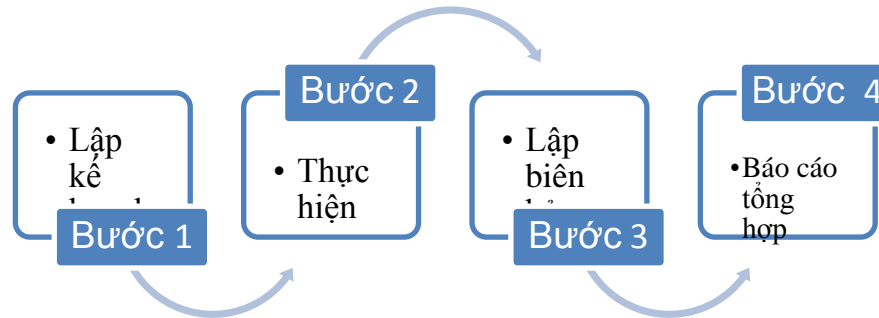
a) Kiểm tra gián tiếp: thông qua email hoặc các báo cáo bằng văn bản định kỳ hoặc bất thường;

b) Kiểm tra trực tiếp: định kỳ hoặc bất thường;

3. Ban Kiểm soát được phép tham gia đóng góp ý kiến về những quyết định, chủ trương, chính sách và việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### III. Quy trình kiểm soát:

#### 1. Đối với hoạt động kiểm tra giám sát định kỳ:



#### ***Bước 1: Lập kế hoạch kiểm tra giám sát***

- Các thành viên BKS căn cứ vào các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty và các quy trình nội bộ khác để lập kế hoạch kiểm tra giám sát định kỳ và trình Trưởng BKS phê duyệt.
- Sau khi thống nhất về kế hoạch kiểm tra giám sát, BKS có trách nhiệm thông báo kế hoạch này bằng văn bản tới Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, và phải ghi rõ trong thông báo: nội dung, thời gian, thời kỳ của việc kiểm soát.

#### ***Bước 2: Thực hiện kiểm tra giám sát***

- BKS căn cứ vào nội dung các yêu cầu kiểm tra giám sát để tiến hành công việc kiểm tra giám sát.
- Trong quá trình kiểm tra giám sát, BKS sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế này để tiến hành các thủ tục cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra giám sát.
- Trong quá trình kiểm tra giám sát, BKS có thể thay đổi, bổ sung nội dung kiểm tra giám sát tùy vào tình hình thực tế, tuy nhiên, việc thay đổi này cần phải được thông báo tới Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

#### ***Bước 3: Lập biên bản kiểm tra giám sát***

- Sau khi kết thúc kiểm tra giám sát, BKS cần lập biên bản kiểm tra giám sát. Biên bản này cần có chữ ký của đại diện các bên (BKS & đối tượng được kiểm tra giám sát).

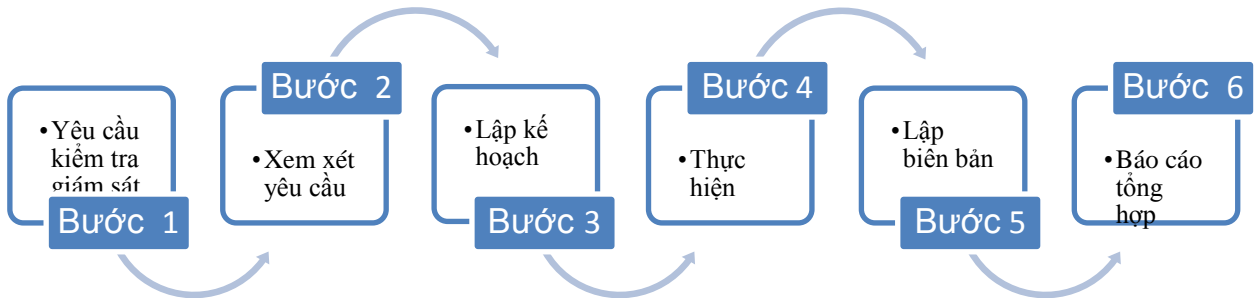
#### ***Bước 4: Báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra giám sát***

- Căn cứ vào biên bản kiểm tra giám sát, BKS lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra giám sát gửi tới đối tượng được kiểm tra giám sát, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.
- Trường hợp đối tượng được kiểm tra giám sát không thống nhất với những ý kiến của BKS về kết quả kiểm tra giám sát, đối tượng được kiểm tra giám sát có quyền giải trình bằng văn bản và gửi tới BKS.



- Biên bản kiểm tra giám sát và báo cáo tổng hợp phải được lập thành tối thiểu 2 bản gốc, 1 bản do BKS lưu, 1 bản do Công ty lưu, và gửi tới các đơn vị yêu cầu kiểm tra giám sát (nếu có).

## 2. Đối với hoạt động kiểm tra giám sát bất thường:



### ***Bước 1: Yêu cầu kiểm tra giám sát***

- BKS căn cứ vào yêu cầu kiểm tra giám sát bất thường của các đối tượng thuộc khoản 2 phần I của Quy trình này hoặc yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành việc kiểm tra giám sát đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động của Công ty.

### ***Bước 2: Xem xét yêu cầu kiểm tra giám sát***

- Căn cứ vào các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty và các quy trình nội bộ khác, Ban Kiểm soát có thể gửi yêu cầu tới Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty về các nội dung yêu cầu kiểm tra giám sát để chuẩn bị các tài liệu có liên quan.

### ***Bước 3: Lập kế hoạch kiểm tra giám sát***

- Các thành viên BKS căn cứ vào các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty và các quy trình nội bộ khác để lập kế hoạch kiểm tra giám sát bất thường và trình Trưởng BKS phê duyệt.
- Sau khi thống nhất về kế hoạch kiểm tra giám sát, BKS có trách nhiệm thông báo kế hoạch này bằng văn bản tới Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, và phải ghi rõ trong thông báo: nội dung, thời gian, thời kỳ của việc kiểm soát.

### ***Bước 4: Thực hiện kiểm tra giám sát***

- BKS căn cứ vào nội dung các yêu cầu kiểm tra giám sát để tiến hành công việc kiểm tra giám sát.
- Trong quá trình kiểm tra giám sát, BKS sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế này để tiến hành các thủ tục cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra giám sát.

- Trong quá trình kiểm tra giám sát, BKS có thể thay đổi, bổ sung nội dung kiểm tra giám sát tùy vào tình hình thực tế, tuy nhiên, việc thay đổi này cần phải được thông báo tới Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

***Bước 5: Lập biên bản kiểm tra giám sát***

- Sau khi kết thúc kiểm tra giám sát, BKS cần lập biên bản kiểm tra giám sát. Biên bản này cần có chữ ký của đại diện các bên (BKS & đối tượng được kiểm tra giám sát).

***Bước 6: Báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra giám sát***

- Căn cứ vào biên bản kiểm tra giám sát, BKS lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra giám sát gửi tới đối tượng được kiểm tra giám sát, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.
- Trường hợp đối tượng được kiểm tra giám sát không thống nhất với những ý kiến của BKS về kết quả kiểm tra giám sát, đối tượng được kiểm tra giám sát có quyền giải trình bằng văn bản và gửi tới BKS.
- Biên bản kiểm tra giám sát và báo cáo tổng hợp phải được lập thành tối thiểu 2 bản gốc, 1 bản do BKS lưu, 1 bản do Công ty lưu, và gửi tới các đơn vị yêu cầu kiểm tra giám sát (nếu có).

## **LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁC ỨNG VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Phụ lục IV

**MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**  
(Áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị)

- 1) Họ và tên: **LÊ MINH TUẤN**  
Giới tính: **Nam**
- 2) Ngày sinh: **04/11/1958**
- 3) Nơi sinh: **Nam Hà**
- 4) Quốc tịch: **Việt Nam**
- 5) Chứng minh nhân dân: **012345765**  
Ngày cấp: **11/8/2000** Nơi cấp: **Hà Nội**
- 6) Hộ khẩu thường trú: **Số 4, nhà A1, tập thể Nhà hát Ca múa nhạc, Tổ 64B cụm 9 Vọng Thị Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội.**
- 7) Chỗ ở hiện tại: **Phòng 301 nhà A5 Làng Quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, Hà nội**
- 8) Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng**
- 9) Nghề nghiệp: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
- 10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản:



Tên của tổ chức: **Công ty cổ phần Đầu tư & xuất nhập khẩu Viglacera**  
Địa chỉ: **Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội**

- 11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	Tầng 3, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	410.000	10%

12) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Bằng cấp
1978-1983	Đại học xây dựng tại Nga	Xây dựng dân dụng và CN	
1994-1998	Đại học Mở Bách Khoa	Quản trị kinh doanh	
2003- 2006	Học viện chính trị Quốc gia	Chính trị cao cấp	

13) Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
1984 - 1986	Công ty Xây dựng số 4 - Bộ Xây dựng	Cán bộ
1986 - 1997	Nhà máy Kính đáp cầu - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm XD	Cán bộ
1997 - 1998	Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng	Cán bộ
1998 - 03/3/2006	Công ty Kinh doanh và Xuất nhập khẩu - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng	Giám đốc
Từ 03/3/2006	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Viglacera	Tổng giám đốc
Từ 01/9/2007 - 30/6/2008	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Viglacera	Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT
Từ 01/6/2008 - 8/2009	Công ty cổ phần Đầu tư & xuất nhập khẩu Viglacera	Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT
Từ 9/2009 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư & xuất nhập khẩu Viglacera	Chủ tịch HĐQT
Từ 2008 đến nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhật Bản	Chủ tịch HĐQT

14) kê khai người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	CMND, ngày cấp, nơi cấp	Nơi làm việc	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán có cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ
Lê Quang Tuấn	Bố		Nghỉ hưu			
Nguyễn Thị Tuệ	Mẹ		Nghỉ hưu			
Trương Thị Kim Anh	Vợ	012612464 28/07/2003 Hà Nội	Trường Cao đẳng Viglacera	Kế toán	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhật Bản	104.000cp 2.54%
Lê Thị Lan Hương	Con			Sinh viên		
Lê Khánh Nam	Con			Học sinh		

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2013

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Công ty CCK Nhật Bản**

Cty CCK Nhật Bản xác nhận những thông tin ông Lê Minh Tuấn khai trên đây là đúng sự thật.



**Phụ lục IV**

**MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**  
(Áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị)

- 1) Họ và tên: **NGUYỄN TRẦN TUẤN NGHĨA**  
Giới tính: **Nam**
- 2) Ngày sinh: **02/10/1972**
- 3) Nơi sinh: **Hà Tây**
- 4) Quốc tịch: **Việt Nam**
- 5) Chứng minh nhân dân: **011642549**  
Ngày cấp: **14/04/2005** Nơi cấp: **Hà Nội**
- 6) Hộ khẩu thường trú: **Số 2A, Nguyễn Hữu Huân, Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- 7) Chỗ ở hiện tại: **Phòng 1604 Nhà A5 Làng Quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, Hà nội**
- 8) Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
- 9) Nghề nghiệp: **Tổng Giám đốc**
- 10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản: **Không có**
- 11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán:



STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	Tầng 3, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	246.000	6%

- 12) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Bằng cấp
09/1989 - 09/1993	Đại học Tổng Hợp Hà nội		
11/1992 - 06/1996	Đại học Luật Hà nội (tại chức)		
06/1994 - 02/1997	Đại học Ngoại ngữ Hà nội (tại chức)		
2010-2012	Học Viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh		

13) Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
02/1995 - 04/1998	Phòng xuất nhập khẩu - Công ty Nguyên liệu vật tư và Thiết bị - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng	Nhân viên
04/1998-04/2002	Xuất nhập khẩu - Công ty Kinh doanh và Xuất nhập khẩu	Trưởng phòng
04/2002-08/2002	Công ty Kinh doanh và Xuất nhập khẩu - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng	Phó Giám đốc
08/2002-2/2006	Công ty Kinh doanh và xuất nhập khẩu	Phó giám đốc, Phụ trách bộ phận xuất nhập khẩu
3/2006 – 8/2009	Công ty cổ phần Đầu tư & xuất nhập khẩu Viglacera	Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Trung tâm Xuất khẩu lao động
9/2009 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư & Xuất nhập khẩu Viglacera	Tổng giám đốc
2008 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản	Thành viên HĐQT

14) Khai người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	CMND, ngày cấp, nơi cấp	Nơi làm việc	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán có cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Thành Trung	Bố		Nghỉ hưu			
Trần Thị Thanh Nhân	Mẹ		Nghỉ hưu			
Bùi Thị Thu Thảo	Vợ	011614993 10/03/2006 Hà Nội	Quý nhi đồng LHQ Unicef			
Nguyễn Trần Khánh Vy	Con			Học sinh		
Nguyễn Trần Gia Bách	Con			Học sinh		

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

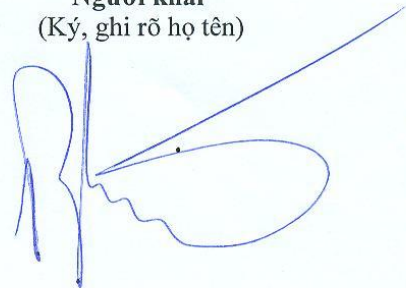
Ngày 20 tháng 09 năm 2013

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Công ty CCK Nhật Bản**

Cty CCK Nhật Bản xác nhận những thông tin ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa khai trên đây là đúng sự thật.



Phụ lục IV

**MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**

(Áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị)

- 1) Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ**  
Giới tính: **NỮ**
- 2) Ngày sinh: **16/08/1970**
- 3) Nơi sinh: **Hà Nội**
- 4) Quốc tịch: **Việt Nam**
- 5) Chứng minh nhân dân: **012079749**  
Ngày cấp: **29/11/1997** Nơi cấp: **Hà Nội**
- 6) Hộ khẩu thường trú: **52A ngách 6/31 Đặng Văn Ngữ, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội**
- 7) Chỗ ở hiện tại: **52A ngách 6/31 Đặng Văn Ngữ, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội**
- 8) Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
- 9) Nghề nghiệp: **Kinh doanh**
- 10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản: **Không có**





11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	Tầng 3, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	246.000	6%

12) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Bằng cấp
1992	Đại Học Tổng Hợp Hà Nội	Kinh tế - Thương mại	
1996	Đại Học Ngoại Thương Hà Nội	Kinh tế đối ngoại	
08/2007-10/2007	Ủy ban chứng khoán nhà nước	Môi giới chứng khoán	

13) Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
1993 - 2001	Tập đoàn MICO	Phó Giám đốc
2002 - đến nay	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại HANCO	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

14) Kê khai người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	CMND, ngày cấp, nơi cấp	Nơi làm việc	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán có cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Quốc Việt	Bố	012079355	Nghỉ hưu			
Văn Thị Hồng Quế	Mẹ	010283446	Nghỉ hưu			

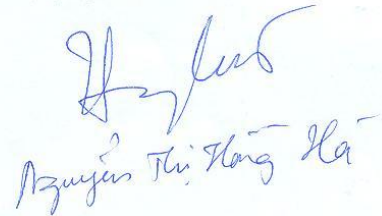
Hoàng Khánh Ngọc	Chồng	011577634 ngày cấp 26/09/1995 Nơi cấp CATP Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại HANCO	Chủ tịch hội đồng quản trị	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	55.800, 1.36%
Lê Hoàng Minh	Con trai		Học sinh/ Đi học			
Hoàng Khánh Vân	Con gái		Học sinh/ Đi học			
Hoàng Phương Linh	Con gái		Học sinh/ Đi học			

*Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.*

Ngày 20 tháng 09 năm 2013

**Xác nhận của Công ty CPCK Nhật Bản**  
Cty CPCK Nhật Bản xác nhận những thông tin bà  
Nguyễn Thị Hồng Hà khai trên đây là đúng sự thật.

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Hồng Hà

Phụ lục IV - Appendix IV  
MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN - FORM OF CURRICULUM VITAE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)  
(Promulgated with Circular 210/2012/TT-BTC issued on November 30, 2012 by Ministry of Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN  
CURRICULUM VITAE

(Áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị)  
(Applied to members of Board of Management)

1) Họ và tên: **AIZAWA MOTOYA**  
Full name

Giới tính: **NAM**  
Sex: **Male**

2) Ngày sinh: **25 August, 1942**  
Date of birth

3) Nơi sinh: **Nhật Bản**  
Place of birth: **Japan**

4) Quốc tịch: **Nhật Bản**  
Nationality: **Japan**

5) Hộ chiếu/Passport:

Số: **TH8865998**  
Number

Nơi cấp: **Nhật Bản**  
Place of issue: **Japan**

Ngày cấp: **27/03/2009**  
Date of issue

Ngày hết hạn: **27/03/2019**  
Date of expiry

6) Hộ khẩu thường trú: **Tokyo, Japan**  
Permanent residence

7) Chỗ ở hiện tại: **Tokyo, Japan**  
Current residence



- 8) Trình độ chuyên môn: **CMA in Japan, CIAA**  
*Qualification:*
- 9) Nghề nghiệp: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
*Career: Chairman*
- 10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện:  
*Representative of JSI's Shareholder*

Tên của tổ chức: **Aizawa Securities Co.,Ltd.**  
*Name of shareholder*

Địa chỉ: **20-3 Chome Nihonbashi Chuo-ku, Tokyo, Japan,103-0027.**  
*Address*

- 11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán:  
*Number of shares and percentage of holding in other securities companies*

STT <i>No</i>	Tên Công ty <i>Name of securities companies</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số lượng cổ phần nắm giữ <i>Number of holding shares</i>	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ <i>Percentage of holding shares</i>
1	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản <i>Japan Securities Incorporated</i>	Tầng 3, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam <i>3rd fl., No 2 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Hanoi, Vietnam</i>	594.500	14.5%

- 12) Quá trình đào tạo chuyên môn:  
*The process of professional training*

Thời gian <i>Time</i>	Nơi đào tạo <i>Place</i>	Chuyên ngành <i>Specialization</i>	Bằng cấp <i>Certificate</i>
March, 1965	Keio University	Economics	B.A. in Economics

- 13) Quá trình làm việc  
*The working process*

Thời gian <i>Time</i>	Nơi làm việc <i>Place</i>	Vị trí công việc <i>Position</i>
April, 1965	Nippon Kangyo Securities Co., Ltd. (Japan)	Sales Representative
November, 1973	Aizawa Securities Co., Ltd. (Japan)	Managing Director
December, 1979	Aizawa Securities	CEO
June, 1998	Aizawa Securities	Chairman

September, 2007	Japan Securities Incorporated (former "Sakura Securities JSC", Vietnam)	Director
June, 2008	Aizawa Securities Co., Ltd.	Chairman and CEO

14) Kê khai người có liên quan:  
*Related people*

Họ và tên <i>Name</i>	Mối quan hệ <i>Relationship</i>	Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>Passport, Date of issue, Place of issue</i>	Nơi làm việc <i>Place of work</i>	Vị trí công việc <i>Position of work</i>	Tên công ty chứng khoán có cổ phần nắm giữ <i>Name of securities companies that related people holding shares</i>	Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ <i>Number of shares and percentage of holding shares</i>
Aizawa Chiyoko	Vợ <i>Wife</i>	Japan			N/A	N/A
Aizawa Takuya	Con <i>Children</i>	Japan	Aizawa Securities Co., Ltd.	Director	N/A	N/A

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.  
*I commit and be responsible for the accuracy and truthfulness of the above content.*

Ngày 20 tháng 09 năm 2013  
*September 20th, 2013*

**Xác nhận của Công ty Aizawa**  
***Confirmation of Aizawa Securities Co., Ltd.***

Cty Aizawa xác nhận những thông tin ông Aizawa khai trên đây là đúng sự thật.  
*Aizawa Securities Co., Ltd. confirm that the above information declared by Mr. Aizawa are true.*

  
AIZAWA TAKUYA

藍澤證券株式会社



**Người khai**  
***Declarant***

(Ký, ghi rõ họ tên)  
*(Sign with full name)*



AIZAWA MOTOYA

**Phụ lục IV - Appendix IV**  
**MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN - FORM OF CURRICULUM VITAE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)  
(Promulgated with Circular 210/2012/TT-BTC issued on November 30, 2012 by Ministry of Finance)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**

**BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**  
**CURRICULUM VITAE**

**(Áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị)**  
**(Applied to members of Board of Management)**

1) **Họ và tên: KYU SEIHIN**  
*Full name: KYU SEIHIN*

**Giới tính: Nữ**  
*Sex: Female*

2) **Ngày sinh: 21/12/1952**  
*Date of birth: 21/12/1952*

3) **Nơi sinh: Nhật Bản**  
*Place of birth: Japan*

4) **Quốc tịch: Nhật Bản**  
*Nationality: Japan*

5) **Hộ chiếu/Passport:**

**Số: TK1178769**  
*Number*

**Nơi cấp: Nhật Bản**  
*Place of issue: Japan*

**Ngày cấp: 15/02/2010**  
*Date of issue*

**Ngày hết hạn: 15/02/2020**  
*Date of expiry*

6) **Hộ khẩu thường trú: 1-2-13 Aobadai, Meguro-ku, Tokyo, Japan**  
*Permanent residence*

7) **Chỗ ở hiện tại: 1-2-13 Aobadai, Meguro-ku, Tokyo, Japan**  
*Current residence*



- 8) Trình độ chuyên môn: **Cử nhân**  
*Qualification: Diploma*
- 9) Nghề nghiệp: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
*Career: Chairman*
- 10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện:  
*Representative of JSI's Shareholder*

Tên của tổ chức: **Tanamark Investment Ltd.,**  
*Name of shareholder*

Địa chỉ: **Suite 1201, 12/F., Tower 1, Admiralty centre, 18 Harcourt road, Hong Kong**  
*Address*

- 11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán:  
*Number of shares and percentage of holding in other securities companies*

STT No	Tên Công ty <i>Name of securities companies</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số lượng cổ phần nắm giữ <i>Number of holding shares</i>	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ <i>Percentage of holding shares</i>
1	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản <i>Japan Securities Incorporated</i>	Tầng 3, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam <i>3rd fl., No 2 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Hanoi, Vietnam</i>	820.000	20%

- 12) Quá trình đào tạo chuyên môn:  
*The process of professional training*

Thời gian <i>Time</i>	Nơi đào tạo <i>Place</i>	Chuyên ngành <i>Specialization</i>	Bằng cấp <i>Certificate</i>
1973	College in Tokyo	Design	Diploma

- 13) Quá trình làm việc  
*The working process*

Thời gian <i>Time</i>	Nơi làm việc <i>Place</i>	Vị trí công việc <i>Position</i>
1974	Viết truyện, tiểu thuyết <i>Writing novels, essays (Japan)</i>	Nhà văn <i>Writer</i>
1980	Làm việc tại văn phòng Kyu Eikan <i>Kyu Eikan Office Corporation (Japan)</i>	Giám đốc <i>Director</i>

Sep. 1986	Held one-woman exhibition at Ginza Mikimoto Hall (Japan)	Họa sĩ <i>Artist</i>
Jun. 2004	Lễ hội hoa “Vườn Phong thủy” “Feng Shui Garden”, Lake Hamana Flower Festival	Giám đốc <i>Director</i>
Sep. 2005	Làm việc tại văn phòng Kyu Eikan Kyu Eikan Office Corporation (Japan)	Giám đốc điều hành <i>Managing Director</i>
Jun. 2008	Ginza Tanagokoro Tearoom	Nhà sản xuất <i>Producer</i>
Jun. 2012	Tập đoàn Kyu Eikan Kyu Eikan Group	Chủ tịch <i>Chairman</i>

14) Kê khai người có liên quan:  
*Related people*

Họ và tên <i>Name</i>	Mối quan hệ <i>Relationship</i>	Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>Passport, Date of issue, Place of issue</i>	Nơi làm việc <i>Place of work</i>	Vị trí công việc <i>Position of work</i>	Tên công ty chứng khoán có cổ phần nắm giữ <i>Name of securities companies that related people holding shares</i>	Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ <i>Number of shares and percentage of holding shares</i>
KYU ARAN	Mẹ <i>Mother</i>	TH0864443 20/06/2006 JAPAN	Nhật Bản <i>JAPAN</i>	Giám đốc <i>DIRECTOR</i>		

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.  
I commit and be responsible for the accuracy and truthfulness of the above content.


Ngày 01 tháng 04 năm 2013  
April 1st, 2013

**Xác nhận của Công ty Tanamark**  
**Confirmation of Tanamark Investment Ltd.,**

Cty Tanamark xác nhận những thông tin bà Kyu Seihin khai trên đây là đúng sự thật.  
Tanamark Investment Ltd., confirm that the above information declared by Ms. Kyu Seihin are true.

**Người khai**  
**Declarant**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Sign with full name)

For and on behalf of  
台明投資有限公司  
TANAMARK INVESTMENT LIMITED

  
Authorized Signature(s)







12) Quan hệ thân thân:

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số Hộ chiếu	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Mitsuo Hiramoto	25/08/1924	Không có	Nhật Bản	Nghỉ hưu	Ở nhà
Mẹ	Etsuko Hiramoto	15/06/1930	Không có	Đã mất		
Anh/c hị/em ruột	Yoshie Nakamura	20/01/1959	Không có	Nhật Bản	Nội trợ	Ở nhà
Vợ	Tomoko Hiramoto	4/03/1954	Không có	Nhật Bản	Nội trợ	Ở nhà
Con	Shoko Hiramoto	15/02/1982	Không có	Nhật Bản	Nhân viên	Nhật Bản
Con	Yusuke Hiramoto	18/06/1985	Không có	Nhật Bản	Nhân viên	Nhật Bản

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2010  
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh)



Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2010  
Người khai  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
HIRAMOTO HIROSHI

**Phụ lục IV**

**MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**  
(Áp dụng cho thành viên Ban kiểm soát)

1) Họ và tên: **TRẦN THỊ LAM**

Giới tính: **NỮ**

2) Ngày sinh: 31/12/1981

3) Nơi sinh: Thường Tín – Hà Nội

4) Quốc tịch: **Việt Nam**

5) Chứng minh nhân dân: **013105406**

Ngày cấp: **20/06/2008**

Nơi cấp: **Hà Nội**



6) Hộ khẩu thường trú: Nhà số 4 Ngõ 2 Cụm 4 Thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình,, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

7) Chỗ ở hiện tại: Nhà số 4 Ngõ 2 Cụm 4 Thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

8) Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kế toán.**

9) Nghề nghiệp: **Kế toán**

10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản: **Không có**

11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	Tầng 3, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	1.000	0,02%

12) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Bằng cấp
Năm 2000 - 2002	Trường Cao đẳng công nghiệp Hà Nội	Kế toán	
Năm 2004 - 2009	Trường Đại học Thương mại	Kế toán	Cử nhân

13) Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
Tháng 3/2003-T9/2009	Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Kế toán - kế toán tổng hợp.
T10/2009 đến nay	Công ty CP Đầu tư và XNK Viglacera	Phó phòng kế toán

14) Kê khai người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	CMND, ngày cấp, nơi cấp	Nơi làm việc	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán có cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ
Trần Trọng Chứ	Bố	111726431 cấp ngày 07/4/2009	Nghỉ hưu			
Bùi Thị Dung	Mẹ	110542864 cấp ngày 24/06/2011	Tự do			
Đông Đức Phong	Chồng	012249292 cấp ngày 30/7/1999	Công ty CP SX bao bì Goldsun	Trưởng phòng kỹ thuật		
Đông Hiếu Nhi	Con	Còn nhỏ				
Đông Tuấn Huy	Con	Còn nhỏ				

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2014

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Công ty CCK Nhật Bản**

Cty CCK Nhật Bản xác nhận những thông tin bà Trần Thị Lam khai trên đây là đúng sự thật.

  
Trần Thị Lam

**Phụ lục IV**  
**MẪU BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN**  
(Áp dụng cho thành viên Hội đồng quản trị)



- 1) Họ và tên: **HOÀNG THỊ MAI LAN**  
Giới tính: **NỮ**
- 2) Ngày sinh: **09-05-1975**
- 3) Nơi sinh: **Hà Nội**
- 4) Quốc tịch: **Việt Nam**
- 5) Chứng minh nhân dân: **012067899**  
Ngày cấp: **07/02/2007** Nơi cấp: **Hà Nội**
- 6) Hộ khẩu thường trú: **2A Nguyễn Hữu Huân, P. Hàng Buồm, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- 7) Chỗ ở hiện tại: **2A Nguyễn Hữu Huân, P. Hàng Buồm, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.**
- 8) Trình độ chuyên môn: **Đại Học.**
- 9) Nghề nghiệp: **Kế toán trưởng**
- 10) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản: **Không có**
- 11) Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại các công ty chứng khoán:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản	Tầng 3, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	139.600	3.4%
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
4	...	...	...	...

12) Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Bằng cấp
1992-1996	ĐH QG Hà Nội	Quản Trị Kinh Doanh	Cử Nhân
...	...	...	...
...	...	...	...

13) Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
1997-2014	Công ty TNHH vận tải & XNKTM Thuận Đạt	Phó GD
...	...	...
...	...	...

14) Kê khai người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	CMND, ngày cấp, nơi cấp	Nơi làm việc	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán có cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ
Hoàng Văn	Bố	.....	Nghỉ hưu	.....		
Phạm Thị Kiệm	Mẹ	.....	Nghỉ hưu	.....		
Nguyễn T. Tuấn Đức	Chồng	011727633. Ngày 20-12-2002 Tại Hà Nội	C.ty TNHH Đức Hiền.	Giám Đốc.		
Nguyễn T. Tuấn Đạt	Con	Còn nhỏ				
Nguyễn T. Hải Đăng	Con	Còn nhỏ				
Nguyễn Khoa Diên	Con	Còn nhỏ				
Nguyễn T. An Đông	Con	Còn nhỏ	.....	.....		


*Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.*

Ngày tháng năm

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Công ty CPCK Nhật Bản  
Cty CPCK Nhật Bản xác nhận những thông tin bà  
Nguyễn Thị Hồng Hà khai trên đây là đúng sự thật.

  
Hoàng Thị Mai Lan



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
JAPAN SECURITIES INCORPORATED